

PHẬT THUYẾT NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA-LA-MẬT KINH SỚ THẦN BẢO KÝ

QUYỂN 3

Từ câu “Bấy giờ, Thập hiệu” tiếp xuống là văn phần Phát khởi tự. Gồm năm phần.

Nói “Bấy giờ” là ngay sau khi chúng tập họp, và trước lúc phát khởi điềm lành. Đó là thời gian ấy.

Nói Thập hiệu là danh hiệu của bậc Giáo chủ có muôn đức hạnh quả vị. Sở dĩ là lúc phát khởi là do tâm ý của chúng hội đang khao khát mong chờ. Đó là đức là chí thành tột cùng vậy.

Tóm lược nói có bốn: Nói mười hiệu, ba Minh, trí đức, Đoạn đức. Phạm là danh hiệu của “Đức hạnh”, thì không gì không đầy đủ. Nghĩa là cũng như lấy sự sung mãn nhất về đức hạnh đó mà nói. Về danh, tướng của mười hiệu như phần giải thích riêng trong sớ v.v... Trí đức, Đoạn đức như trên đã giải thích v.v...

Thích Ca Mâu Ni đối với tên là danh hiệu chung, còn đây là riêng. Nghĩa là: Thích Ca là họ. Trung Hoa dịch là Năng Người. Mâu Ni là tên. Trung Hoa dịch là Tịnh mặc. Đã có lòng người từ lại u mặc thì là người đức mà tĩnh lặng. Suy ra đến tột cùng thì biết đạo của Phật này có thể đến tột cùng. Là đệ tử của Ngài, có thể nào Không theo ư?

Xứ Thiên trúc gồm có bốn chủng tánh (họ). Thích Ca là chủng tánh Kim luân, còn gọi là Sát-đế-lợi. Còn lại như chủng tánh Bà-la-môn v.v... như trong phần sớ nêu riêng v.v... Như phạm là họ của họ tộc, thì hoặc nói Cù đàm, hoặc nói Cam-giá tùy theo thế hệ mà có họ chẳng đồng.

Nói: “Dân quy về hội tụ như chợ” cũng như sách kinh Thư nói Người xưa nói Đại vương ở nước Ân, người rợ xâm đoạn, dời ấp về ở Kỳ sơn. Người đi theo như quy tụ về chợ”

Nói “Sơ niên bát nguyệt” tức là thời gian phát khởi điềm lành,

đức Như Lai sắp nói Kinh. Số nêu dẫn sự nhận định của Tam tạng Chân Đế không ngoài ba điều:

1. Như Lai ở đời, bốn mươi lăm năm thuyết pháp.
2. Dùng việc chuyển ba lần pháp luân phối hợp thành số bốn mươi lăm năm.

3. Dùng hai giáo Hiển, Mật để nhận định đồng thời, trước và sau. Nay dùng ý kiến của một nhà chú giải xác nhận nói có ba điều không thể thay đổi; để so sánh xem có phù hợp hay không.

1. Phật sau khi thành đạo, có năm mươi năm thuyết pháp. Kinh Luận đều nói vậy. (Chỉ có Kinh Thập Nhị Dụ nói Phật thành đạo năm ba mươi lăm tuổi. Đó là do cơ thấy không đồng) là điều thứ nhất không thể thay đổi.

2. Vì Tiểu thừa, nêu đầu tiên mười hai năm Phật thuyết giáo pháp bốn A-hàm là điều thứ hai không thể thay đổi.

3. Sau khi nói Bát-nhã, ở linh sơn tám năm Phật thuyết Pháp Hoa là điều thứ ba không thể thay đổi.

Đây là ba điều không thể thay đổi. Dùng đây so sánh đối chiếu với số năm trên có sự hơn, thiếu rõ ràng có thể biết.

Nay nói “Sơ niên bát nguyệt nhật” là thời gian nói phần sau của các bộ Bát-nhã, tiếp đến Người Vương chính là thời gian đó. Mà nói Nguyệt bát nhật, cũng như là chánh nguyệt sơ bát. Tức là ngày mồng tám tháng giêng. Do văn lược bớt.

Nói “Phương tọa” (mới ngồi) cũng như là bắt đầu ngồi, cũng như chính thức ngồi. Như Phật bản trụ và tự chứng pháp thì việc trụ đó đã lâu. Mà nói “Mới ngồi” tức dùng tu để hiển bày tánh, nên nói vậy.

Nói Thập địa, không phải Thập địa mà bên tên đã định nghĩa. Số nêu dẫn ra kinh Đồng Tánh v.v.... mới là địa của Phật đã an trụ.

Nói cũng như Thập địa nói trong Kinh Lăng già mà không theo thứ tự, tức chẳng phải thứ tự mười Địa. Song số dùng cách riêng tiếp nối cái chung để giải thích, thì tuy không phải không có lý, nhưng không phải cách luận thông suốt. Hãy tạm để qua mà nói v.v....

Lại nói: “Nhập đại tịch thất Tam muội”: Là nói các địa vốn an trụ trước đây là rốt ráo với lý Tịch, nhưng thường để luận về chốn an trụ trước đây là thuộc về trí, nay chốn đi vào (sở nhập) lại là Định (Tam muội) tức nhấn mạnh phạm thuyết pháp ắt phải có nguyên do đầu mối. Nhập định rồi sau quán xét căn cơ mới phát khởi việc thuyết pháp. Nên đây tức là Tựa Phát khởi vậy.

Nay nhập định ấy gồm chia làm bốn chương diễn giải:

1. Quán xét căn cơ trao cho thuốc hay
2. Người định phát khởi trí tuệ.
3. Nguyên tắc của việc thuyết pháp
4. Lấy Thánh so sánh với phàm phu.

Hiểu được bốn ý này, thì ý chỉ sâu xa rõ ràng vậy. Cũng có thể đối bốn Tất đàn mà giải thích. Tức người chuyên tất đàn v.v...

Câu “Lại Đại tịch” tiếp xuống là chia làm hai: Đầu tiên dựa theo Lý giải thích. Phàm là lý tức là nghĩa tịch diệt đến tột cùng, Niết-bàn cũng là tên gọi của Tịch diệt nên dùng ba đức ở nơi Kinh Đại bát Niết-bàn mà phối hợp giải thích. Nghĩa là: Đại tức là Pháp thân. Tịch tức là Bát-nhã. Diệt tức là Giải thoát. Đây đủ ba đức ấy mới gọi là Thiền sâu... Dựa vào đây mà an trụ thì còn gì cao thượng hơn.

Vì thế dùng chữ Thất (nhà) để biểu thị. Nghĩa hạng sâu cũng là Thất vậy. Kiên dẫn chứng Phật Đại Thông nhập thất. Lại phẩm Pháp sư trong kinh Pháp Hoa nói Từ bi làm nhà cũng là lý đó.

Tuy nhiên Đại tịch, tức chiếu làm nghĩa. Sự vắng lặng đến tột cùng (tịch) tức là soi chiếu, soi chiếu mà luôn vắng lặng. Phàm chỉ là soi chiếu, mà thường vắng lặng tức tuy động mà lại càng vắng lặng thì sự soi chiếu ấy không cùng tận. Vắng lặng mà luôn soi chiếu cho nên tức là Tĩnh. Vì nói soi chiếu thì sự soi chiếu ấy phải là vô ngại. Cũng như khả năng dung chứa của căn nhà trống khả năng soi chiếu của Bát-nhã cũng vậy.

Tiếp đến căn cứ vào Quán để hiển bày, tức là nghĩa Quán tâm. Văn trước tiên lập cảnh quán. Bốn câu đầu nghĩa là hư không trong nhà vốn là một cảnh. Sáng, tối tự nhiên sai khác nghĩa là đối với tối, thiết lập sáng để quán. Tuy sáng, tối khác nhau mà cảnh luôn tự nó như vậy. Bốn câu tiếp theo tóm lược pháp và dụ ở đề mục, có thể biết.

Câu “Mặt trời xuất hiện” tiếp xuống là bốn câu chính thức kết hợp. Nghĩa là trí tuệ sinh nên cảnh hiển hiện, cũng như mặt trời xuất hiện thì vạn vật đều nhìn thấy rõ. Vì mê hoặc tối tâm nên u tối, ví như mặt trời lặn thì một chút cũng không hề nhìn thấy. Cũng như bầu trời vốn chẳng phải là sáng tối, mà sáng tối là nó tự trừ bỏ nhau. Đây cũng như mê hoặc và trí tuệ tương phân mà lý tánh luôn luôn tức là như thế. Cũng là nghĩa viên mãn. Hoặc nói về sáng tối tuy khác nhau, mà tánh thường thanh tịnh, tức là chỉ căn cứ thẳng vào Thể của cảnh không thể nghĩ bàn để chỉ rõ sự viên mãn tột cùng, đó gọi là sáng tối không trừ bỏ nhau, hiển bày ra quả vị Bồ-đề Phật là nghĩa đó vậy. Vì thế dẫn chứng nói v.v... Tức là vô minh tuy là nhiễm mà tánh tức là minh, không thiếu

một pháp nào. Vì thế, hết thủy chúng sanh tức là tướng Bồ-đề.

Nói “Không thể diệt độ lại nữa”. Câu này e lằm, vẫn nên làm chữ “Đắc” (đắc lại nữa) cũng có thể theo văn lược bớt cùng hiển bày được vậy.

Câu “Vì đó chỉ là” tiếp xuống là nói Thể hiện tại tức là. Lại không có một mảy may thêm hoặc giảm bớt.

Nói “Suy nghĩ duyên, phóng quang”: Nếu giải thích về Sự thì chỉ là suy nghĩ duyên có thể độ được mà Phật phóng hào quang phát khởi. Nghĩa này cũng như gần. Nay Sở căn cứ vào Lý mà giải thích. Tức là nói v.v... Nghĩa là Không có tư duy mà là tư duy, tư duy nơi vô tướng. Không có duyên mà là duyên, duyên ở pháp tánh. Đây chính là sự an lạc lớn của thân Tự thọ dụng. Nếu chính là pháp vốn không có tướng (vô tướng) tư duy về nó thì tướng sinh; tánh vốn không có duyên, duyên với nó thì tánh phát khởi. Phàm rõ ràng như thế thì tư duy điều gì, suy nghĩ điều gì ư? Chỉ là vì căn cơ chúng hội nên chẳng tư duy mà được phóng quang hiện điềm lành đến sáu loại chấn động đại địa, dấy khởi nghi ngờ trong chúng, vua Ba Tư Nặc tâm ý biết việc ấy rõ ràng chỉ có Phật mới có thể giải đáp. Tuy nhiên, đức Như Lai hiện đang nhập định không tiện cho việc thỉnh hỏi, bởi thế mới có vô số tiếng nói, âm nhạc hay, đẹp vang lên nhắc gọi đại chúng, bởi thế đức Như Lai xuất định, bước lên tòa pháp mà phần chánh tông sau đó mới được triển khai. Như Kinh nói v.v....

Từ câu “Hỏi: Cõi Vô sắc tiếp xuống là hỏi với tính cách ngược lại nghĩa là: hào quang chiếu ắt phải ở cõi Sắc, tại sao ở cõi Vô sắc mà cho là chiếu?” Trong phần trả lời nói: Tuy cõi Vô sắc không có sắc thô, mà có sắc vi tế. Đây là thuận theo câu hỏi mà đáp. Nếu luận về hào quang của Phật thì có sắc, không sắc đều soi chiếu cả. Tức nhấn mạnh ánh hào quang của Phật vốn dùng sự soi chiếu của Vô tướng mà chiếu vào sắc của vô sắc, thì đâu cần hỏi chẳng phải... vậy. Nhưng nói là sắc vi tế, thì chỉ Thiên nhãn mới thấy, Nhục nhãn không thể thấy. Nói: Đây kiêm cả Nhị thừa không thể không thấy là Nhị thừa có Tuệ nhãn chiếu thấy về không, nên cũng không thể thấy hào quang của Phật, phải đạt được Thiên nhãn mới nhìn thấy vậy.

Lại Đại Kinh nói:

Sắc của cõi Vô sắc, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể nhận biết. Tức là pháp pháp đều là vi diệu nói về pháp ấy, không giống như Luận đã biện minh về sắc của cõi Vô sắc là có, không chẳng định rõ, nghĩa là các Tông phái đã chấp ấy đều chẳng thể nói chung chung

vậy.

Câu “Phóng hào quang khiến biết được đó là gốc của trí tuệ” tiếp xuống là biểu hiện sự thiết lập không là giả dối. Hào quang gốc nơi trí tuệ, chỉ là trí tuệ thì sau đó mới có thể phát ra hào quang. Vì vậy, lấy trí tuệ làm gốc. Hoa tiêu biểu cho Người, chỉ là Người thì sau đó mới đạt được Giả. Cho nên, lấy Đạo làm Người. Lại hào quang để hóa độ cho căn cơ lúc ấy, nên Thức là Hoa, để biểu thị sự kết duyên với Phật pháp nên nói thấy hào quang. Phối hợp giải thích có thể biết.

“Nay khiến cho không phải “Tướng” thấy “Hoa”: chữ “Tướng” nên viết thành chữ “Tuởng” (tưởng tượng thấy) thì đúng hơn. Văn dựa vào hai lợi ích của hiện tại, vị lai mà phân biệt từng phần. Đo là sự khéo sử dụng văn.

Lại trước nói rõ Giáo chủ hiện bày tướng, vốn thuộc về phương diện ứng; mà nói có cảm v.v... thì đều là cảm ứng, ý vượt ngoài danh ngôn.

Từ câu “Vô lượng biến” tiếp xuống: Nói về mưa hoa, có biến, Không phải là biến. Biến là hoa tâm, không phải biến là hoa của cảnh vật bên ngoài. Chỉ là Trời Sắc. Vô sắc dùng sự thù thắng diệu lực nơi định của họ nên có thể biến. Cõi trời Dục không có nên không nói là biến.

Nói “Đại địa chấn động”: Chữ chấn () nghĩa là nhắc lên, nên viết chữ Chấn () nghĩa là rung động, như nói địa chấn là động đất, thì đúng hơn. Động là có duyên, có số, có ý. Sáu loại tức là số. Duyên của động như trong Kinh Tăng-nhất, A-hàm nói đều có tám duyên. Về ý động như phần sau dẫn giải thích của Luận Thập Địa.

Nói “Đất động khiến cho tâm động”: Là kết hợp với Sự, cũng phù hợp ở Lý. Như trong Thiền gia với thoại đầu “Gió lay phương động”, hoặc cũng như xưa nói thể của đất là tịnh; động ắt có biến. Tất cả đều gần đạt được ý trên. Trong Kinh A-hàm nói về tám duyên, thì duyên “Tức giáo” nghĩa là lúc trở về Chân, dứt sự hóa độ (tịch diệt). Dứt sự hóa độ chưa hẳn trở về Chân, nhưng trở về Chân ắt phải dứt sự hóa độ. Các duyên khác có thể biết.

Trong tám duyên của kinh tăng nhất A-hàm có nói trên dưới Phong luân: Nghĩa là chẳng qua Phong luân cùng với Phong đại của bốn đại, trên dưới ràng buộc nhau lẫn lượt mà động là động ắt có tiếng, tiếng tức là sấm. Đó hoặc là một cách nói diễn đạt vậy. Trong Văn sơ thiếu chữ “Nhất” (một), phần lớn giống như kinh A-hàm nêu ra ở trước, chỉ khác nhau một ít.

Trong phần giải thích ý động nói là đối trị ba loại phiền não đó là Tham, Si và Mạn, tức phần văn đối giải thích từ sinh lên trời xuống dưới thấp, có thể nhận biết.

Nói đức của con người thành tựu, có bốn thứ nghĩa là: Cho rằng nói Phật thì tức là bậc Nhất-thiết-trí đều vô úy. Mà nói con người thành tựu tức là Phật cũng là con người, ấy gọi là chúng sinh vô thượng tức là Phật vậy.

Mười tám pháp bất cộng, thì có tướng trạng của pháp khác nhau mà Đại, Tiểu thừa đã diễn đạt. Đây một thứ bất cộng (chẳng chung).

Nay Số nói: Nhị thừa không có phần: Tức cũng tạm dùng Cộng, Bất cộng Bát-nhã mà nói. Nếu nói hết lý, thì cũng chẳng cùng với phàm phu, địa dưới.

Nói Pháp thân có ba thứ: Là kết hợp giáo lý Đại, Tiểu thừa mà nói. Đó cũng là một cách so sánh biện minh về các Pháp thân. Còn về tướng của pháp thì như thông thường giải thích v.v...

Câu “Trước đã vì chúng ta” tiếp xuống: Là lãnh hội những Kinh Phật đã nói trước đây.

Câu “Từ sau khi đắc đạo”: Câu này văn lược bớt. Nên nói “Từ Phật nói A-hàm về sau trải qua từng ấy thời gian tổng cộng là bốn mươi một năm, lại gồm cả một năm sau đó Phật thuyết Người Vương Bát-nhã, đúng vừa là bảy mươi hai tuổi và tiếp tám năm sau Phật thuyết Pháp Hoa. Tức rõ ràng là năm mươi năm Phật thuyết pháp. Nếu lại chỉ khác liền nhận thấy sai lệch vậy.

Trong phần “Nghỉ ngơi” trong Kinh có hai phần như: Đầu tiên là dấy khởi nghỉ ngơi của đại chúng. Phần này lại có hai:

1. Dựa vào nơi chốn hiển bày người v.v...
2. Nêu lên tên gọi, khen ngợi đức.

Nói “Người Vương” thì họ là nguyệt, tên là Quang: Không hẳn phải đúng như vậy. Vì tên gọi gốc là Ba-Tư-Nặc, do sau khi đã nhập đạo lấy pháp danh là Nguyệt Quang. Cũng như Thiên Thai Trí Giả Đại sư thêm vào tên hiệu của Tấn vương là Tổng trì vậy. Thập địa v.v... là khen ngợi đức.

Sớ cho rằng “Đa” là Thông giáo, tức cũng một cách giải thích thông thường như vậy. Đã nói thực hành Ma-ha-diễn, hóa độ dùng Đại Thừa trị quốc, thì há chẳng bao gồm chung ba giáo ư?

Kế tiếp trong chúng hỏi đáp: Hoặc chỉ tên hai người phần nhiều là một pháp tự, có sai lệch để tiện đó thôi.

Lại hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề tức bao gồm hiển bày sự nghỉ ngơi trong

đại chúng không thể giải đáp được.

Câu “Giác ngộ Như Lai”: Chữ Ngộ nên làm chữ Ngộ (tĩnh thức) kinh gốc đã chính xác, đây nên sửa đổi. Nhưng, cho rằng Như Lai tịch mà luôn soi chiếu, thì há là phải đợi giác rồi sau mới ngộ (tĩnh thức) ? Nay đây, giả thiết có sửa đổi cũng chỉ là để biểu đạt về nghi thức nên nói vậy.

Cõi này tạo sự an lạc mà cõi Phật ở mười phương cũng lại nghe biết: Bởi vì đồng một diệu dụng giáo hóa, có duyên với đây nên hiện. Mọi đầu không có ngăn cách đây kia, nên bèn có Bồ-tát ở mười phương đều đến, hòa chung sự an lạc, cũng lại như vậy.

Câu “Phật biết thời” tiếp xuống: Nói rõ do vì trước có duyên tư duy nên được cơ hội lúc này, tức là thời thuyết kinh Bát-nhã nay đến rồi. Bởi vì Thầy thuốc đến lúc cho thuốc, và ba nghiệp, ba luân v.v... cùng kết hợp giải thích, có thể biết.

Kinh nói “Tòa Sư tử”: Tức là Sở nêu dẫn Luận giải thích v.v... Cần bổ sung nói: Sư tử là loài chúa trong các thú. Có thể so ví như uy thế, diệu lực vô úy của Như Lai, cũng như Sư tử trên loài người vậy.

Lại nói: “Như núi chúa Kim Cương”. Nghĩa là thể trạng, dung mạo bất động nghiêm nhiên như núi chúa, cũng tiêu biểu cho bốn đức của Pháp thân; như sự an ổn vững chắc của núi Tu di mà tám thứ gió không thể làm lay động,

Phàm nói về uy nghi mẫu mực, thì chẳng gì không phải tướng trạng của cõi Thực báo hiển hiện thân tướng đặc thù, tôn quý. Vì vậy, dùng hình tượng núi Chúa để ví dụ. Xét về giáo thì lại là ý chí của các Tông Bộ, về nghĩa sẽ tiếp tục phân biệt. Văn tuy theo chi tiết riêng nhưng nghĩa ắt thấu tóm chung v.v...

Nói Địa và Hư không: Cả hai đều tiêu biểu cái tốt cùng của cõi Thật, tức là nơi nương tựa vào Tịnh quang. Cũng có thể có chung là qua lại hư không. Không chung là ở dưới đất. Sự Lý đều được vậy.

Giải thích phẩm Quán Không.

Kinh này dùng Bát-nhã làm Tông nên phần đầu của Chánh Tông nói phẩm Quán Không. Căn cứ phần tiếp theo hợp với phần trước phân văn làm hai:

1. Giải thích tên phẩm.
2. Giải thích văn.

Nay trước giải thích tên phẩm rồi tiếp đến phần văn nghĩa là: Ý cho rằng tên của phẩm là nối tiếp ở trên, đứng đầu ở dưới, nguồn chảy chẳng đoạn, nên thông thường giải thích tên phẩm trước tiên. Gồm có

bốn: Một tổng ba biệt. tổng là chung dựa vào ý chỉ sâu xa của Bát-nhã Vô tướng biệt là dụng bao quát cả ba Giáo. Vì thế nói v.v...

Nói Vô tướng tức là trí tuệ vi diệu của Bát-nhã soi chiếu cảnh chân thực của vô tướng. Đã đều là vô tướng thì trong ngoài đều tịch tĩnh. Nghĩa là trong tức sáu căn, ngoài tức sáu trần thấy đều vắng lặng y nhiên (tịch nhiên). Chủ thể duyên, đối tượng được quán vì đều là Không nên gọi tên là phẩm Quán Không.

Từ câu “Lại phàm phu” tiếp xuống là dùng chủ thể (Năng) đối với đối tượng (Sở) thì phàm phu không phân biệt biết, ngoại đạo vọng cần chấp giữ, Nhị thừa vướng víu ở không, thấy đều thuộc nghĩa của Tam Tạng giáo, là đối tượng bị phá bỏ. Mà Bồ-tát dùng chánh trí quán không, chẳng phải Không v.v... tức nghĩa chủ thể đối tượng đều đủ. Vì vậy biết căn cứ Thông giáo mà nói.

Câu “Hai là nói về” tiếp xuống: Người là phàm phu vướng chấp ở Có, Nhị thừa vướng chấp vào Không; tức phàm phu, Tiểu thừa lệ thuộc bởi hai bên. Tuy ngay tại Biệt giáo không có Nhị thừa, nhưng xét quả vị mà định lượng thì tức là Thập trụ của Biệt giáo. Rồi tiếp đến Bồ-tát xả bỏ cái Có của hai bên, tu cái Không ở chính giữa (Trung đạo), tức là quán Biệt giáo.

Từ câu “Lại quán là” tiếp xuống: Luôn dựa vào hai chữ “Quán Không” để nói. Quán tức là Chủ thể quán. Cảnh là đối tượng được quán. Chủ thể, đối tượng đều rõ Không. Không có thì ý chỉ sâu xa của vô tướng là chính yếu, bởi thế tương đương là Đệ nhất nghĩa không, là Trung đạo. Nếu chẳng như thế thì sao gọi là tri kiến của Phật thật sự vậy ư?

Sở dẫn văn chứng minh bằng cách ngược lại (phản chứng). Chính là dùng Kiến của phi Kiến, mà nói đó mới là Kiến chân thật. Như đây phối hợp giải thích, nghĩa chung, riêng tự rõ ràng.

Câu “Sáu phẩm này” tiếp xuống là phân văn, có thể biết. Trong phần giải thích nói đầu tiên biết ý thỉnh hỏi tức ý nơi Hộ quốc Người Vương. Căn cứ trước đây tán thán, thì thỉnh hỏi cũng chỉ chủ yếu là vua Ba Tư Nặc. Nay biết ý thỉnh hỏi là chung, mười sáu nước cũng là như vậy. Hỏi thì không thể nhiều người hỏi, nên thỉnh hỏi ắt phải có một người làm chủ. Tạm cho vua Ba Tư Nặc là đại diện đứng đầu, mà Phật biết ý thỉnh hỏi chẳng giới hạn nghi vấn trong một người, nên pháp cũng sẽ phù hợp với số đông thôi!

Câu “Ta nay” tiếp xuống: Người sự thỉnh cầu mà triển khai hai sự hộ trì rộng lớn, cũng là phát sinh hai phẩm sau, mở rộng phần gốc. Như

văn nói v.v... Đã qua người tu hành Thập địa là gốc, thì phải sinh khởi sự giáo hóa. Văn trong phẩm nói chữ “Tán hoa” (tung rải hoa) là nhằm. Có Quốc vương kia tuy có ý đó, nhưng chỉ là sự đòi hỏi được giữ lấy vừa vặn với căn cơ hướng đến Phật, mà Phật mở bày hai sự hộ trì vượt quá những gì họ được giữ lấy, tức lại là nghĩa sâu sắc của sự ứng đáp. Y như sau sẽ thấy.

Câu: “Hỏi: Vua” tiếp xuống là nói nguyên do lựa chọn triển khai hai việc hộ trì. Trong phần đáp gồm dựa theo nhiều ý diễn đạt. Đầu tiên vì thô, diệu, khó, dễ mà nói: Tức là Vua chỉ biết một mà không biết hai, Đức Phật biết đủ cả. Đây, kia đều đạt đến mức vượt quá những đòi hỏi của họ muốn giữ lấy. Lại cho rằng nếu dựa vào Chân, Tục của thế gian, xuất thế gian để luận thì khiến cho cõi nước dù có an bình mà sinh kêu mạn, chẳng bằng nay trình bày về Người quả của xuất thế gian, thì Chân Tục đều phù hợp.

Lại dựa trên sự đòi hỏi có nhiều ít: Nghĩa là như đòi ít, ban cho nhiều, đạt được Thể của Thầy trò. Cũng như Kinh Pháp Hoa đòi hỏi xe, xin ba mà cho một vượt quá mức kỳ vọng xưa kia, há không là vui thích lắm thay!

Nói “Tiêu biểu cho không tham, không sển tiếc”: Câu này có thể biết.

Nói: “Chí nguyện của Từ bi dẫn dắt”: Từ bi là chủ thể dẫn dắt. Đây đều có ở Phật. Chữ “Chí” nên làm chữ “Tác ý”. Nhưng cũng còn là cách nói phân biệt. Nếu nói trên phương diện hỗ trợ cho nhau thì hộ trì Người, hộ trì quá ắt có lực của Bát-nhã hỗ trợ, mới khiến cho Người quả đều được hộ trì. Đã tin, thực hành theo Đại Thừa thì làm sao có cõi nước không an ư?

Vua nghe nói về hai việc hộ trì, ba Tuệ khuyến khích phát tâm mà xưng ngợi tán thán là “Thiện” đó là ý nghĩa tốt cùng của sự hay đẹp. Nói “Đại sự người duyên”, là bày tỏ tán dương về lý có thể đạt đến tận cùng. Chẳng phải chỉ riêng Bát-nhã mới dùng câu nói ấy, mà còn tán dương cả một đời Phật thuyết pháp hiển đốn. Vì vậy, Số so sánh nêu ra các văn, để nói lên câu nói ấy vậy.

Câu “Tán hoa” tiếp xuống: là căn cứ tiêu biểu cho pháp mà giải thích. Nghĩa là phạm các sự cúng dường... Ất phải biểu hiện một pháp môn nào đó. Đây cũng là cách giải thích Kinh. Nếu chỉ hiểu trên phương diện Sự thì làm sao đủ thấy được sự tu hành Nhận đạt được Quả đầy khởi lên ý nghĩa giáo hóa. Vì vậy, dùng sự biểu hiện Lý thì cả hai đều được cả.

Biện minh rộng về hai Hộ, chia làm hai: Đầu tiên là từ câu “Bấy giờ” tiếp xuống là nối tiếp văn trên. Tiếp đến văn thỉnh hỏi bao gồm nào việc hộ trì. Trong phần đáp kết hợp với phần trả lời hộ trì quả ở trước, mà nói “Hóa độ cho bốn loài”, thì biết rằng tuy hộ trì người quả đều được thâm gồm, nhưng thật sự lấy việc hóa độ chúng sanh làm gốc. Nghĩa là từ quả vị Phật hóa độ chúng sanh, cho đến trong tu hành Người thành quả Phật cũng hóa độ chúng sanh. Nhưng tánh của sở chứng (đạo quả) nơi Phật, vốn là quên mất, lìa bỏ, thì có cái gì gọi là hộ trì, nên phải dựa vào Người để nêu dẫn Quả. Nếu giải thích thẳng từ công hạnh của Phật, thì công hạnh không chấp đắm, tức lý tự nhiên sáng tỏ. Văn đã tóm kết theo nghĩa công hạnh, mà lại nói Bồ-tát tu tập đạt quả vị Phật, tức là biết được như thế dựa vào Người nói rõ Quả, thì Lý hẳn rõ ràng.

Nói “Cảnh của đối tượng được hóa độ” như Số đã giải thích v.v... Mà thứ nhất nói “Đều như huyền là nơi của năm đường từ đó đi ra”. Nếu luận về đối tượng được hóa độ, thì vốn bao trùm cả chín cõi. Nay vả lại từ chủ thể sinh ở trong ba cõi mà nói vậy. Thứ hai nói về trí tuệ là chủ thể hóa độ, tức là chẳng quán sắc như v.v... Gồm năm khoa. Nay gọi gọn lại làm thành bốn. Một là nhận biết về năm ấm, ta và người, tức chúng sanh là đối tượng được hóa độ. Kinh cho rằng Thường Lạc ngã Tịnh như. Câu: “Trói buộc ta, người”: Câu này e lầm; nghĩa thấy ở văn sau. Hai là Bồ-tát như v.v... Tức pháp, người là chủ thể hóa độ. Ba là quả vị Phật tức là nơi hộ trì bốn đức. Đây có thể bao gồm nghĩa hộ trì quả, bốn là hai đế tức chỗ nương tựa của hai hộ trì. Mà tất đều nói là chẳng quán, tức để ngăn chặn những sai lầm của chúng. Người là nay Bát-nhã là chủ thể quán, quán trí tuệ, dùng tuệ không làm gốc, nên chẳng quán sắc là để ngăn chặn chấp có sắc, chẳng quán như là ngăn chặn chấp Không, chỉ quán tánh của pháp là cái Không của chân thật. Như Số giải thích v.v... Đó đều là thiển kiến nên chẳng quán.

Câu “Nếu biết tánh của tất cả Pháp” tiếp xuống là ngầm chọn lấy ý văn sau mà nói, tức đều dùng trí tuệ viên mãn, thì có cái gì chẳng quán, chẳng thâm nhiếp? Tuy không nói cụ thể đối tượng là gì mà lý lại hiện hữu trong đó. Vì thế kết luận như không. Đó chính là cái Không của chân không chẳng ngăn ngại cái Có của Diệu hữu. Nêu ra đây để so sánh thì đồng nhất đều là vô ngã, vô tánh.

Câu “Ấy là vì Bồ-tát” tiếp xuống là tóm kết về công hạnh (hành) Xác nhận nghĩa hộ trì Người. Vốn ý này ở phẩm kế tiếp, nay tóm kết trong đây, là để dựa vào làm rõ nghĩa hộ trì Quả, chẳng phải chính thức

tóm kết phần nói về Người, nhưng lại cũng nhất quán với ý nghĩa của văn nêu tông chỉ ở phần trên.

Nói: “Nếu như tức là sắc, để làm Kiến giải riêng khác” thì tức Không ngoài nghĩa từ Không sinh ra Giả.

Câu “Thường lạc ngã tịnh như” nếu đặt thêm vào câu “Tất cả hành” tiếp theo chữ như, thì rất dễ hiểu. Nhưng vì là Thánh Kinh, nên không dám tự tiện sửa, tạm thời giữ nguyên như cũ.

Sớ căn cứ đối với năm ấm nói trước mà làm giải thích các nghĩa điên, không điên đảo v.v... Không phải không có lý đó v.v... Mà nói tùy theo dứt hết phiền não v.v... Nghĩa là đối với năm ấm là đối tượng được diệt trừ bao gồm trong chín cõi, nên tùy thuộc vào nơi diệt trừ phiền não. Tuy sự diệt trừ có sâu cạn, mà tánh được lộ bày chỉ một mà thôi. Cũng như sự dần dần hòa tan của nước và băng. Dùng ví dụ này mà giải thích.

Nói “Tri kiến thọ”: Như vốn phải nối liền với câu “Cúng sinh ngã người ở trên, cũng như duyên với phần gián đoạn của câu trước, cho nên dùng tri kiến để làm đối với quả vị mà giải thích. Lại nên xét kỹ điều đó.

Câu “Bồ-tát như” tiếp xuống: Là Sớ giản lược câu “Tất cả đều Như ở trong không Tịnh Danh. Nhưng “Như” ấy tương tự Kinh nay hay là khác? Trong phần đáp nói: kinh Tịnh Danh vì chê trách việc thọ ký nên dùng Chân không lẩn đoạt. Kinh nay hiển bày các Pháp đều là Như nên dùng Diệu hữu để nói. Lại dùng động, tịch v.v... đối với nhau giải thích, như Sớ có thể biết. Song nếu dùng đoạn, thường mà hiển bày Trung đạo, thì cũng là đối tượng được lìa bỏ có nói trong Kinh A-hàm, nên phải dùng “Diệu” sớ giải. Tuy đối tượng được lìa gần nhưng chủ thể lìa thật sự còn xa chỗ thành tựu.

Lại dẫn Kinh Tịnh Danh có đoạn viết: “Chẳng quán sắc, sắc tánh” Phân biệt câu đó v.v... chỉ là tình chấp chặt chưa mở, mê hoặc giữ lấy chưa quên, đảo quán chưa dung thông, lý tánh chưa hiển bày, điều là phải cần trừ bỏ, cũng là phù hợp với nghĩa Hộ trì. Văn còn lại, như giải thích bên trên, có thể biết.

Câu “Bạch Phật rằng” tiếp xuống là nói rộng ra phần ở trên trên sau khi đã khởi không quán Bồ-tát tu hộ trì quả Phật, thấy nghĩa ba Bát-nhã. Đầu tiên dựa vào bất trú mà nói về thật tướng Bát-nhã. Trước tiên lãnh hội nghĩa ở trên mà đặt câu hỏi: Nếu các pháp đều như như thì Bồ-tát hộ trì hóa độ chúng sinh, là không có chúng sinh được giáo hóa hay là vì hóa độ chúng sinh thì có chúng sanh được giáo hóa? Tức là câu

hỏi có hoặc không. Câu hỏi vốn tóm lược câu trả lời cũng khó hiểu Bởi thế trình bày ra hai ý. Nghĩa là nói theo Chân đế thì không có giáo hóa, theo Tục đế thì có giáo hóa.

Câu “Tánh của pháp tự nó nơi sắc” tiếp xuống là nói rõ chân đế thì không có giáo hóa. Nghĩa là tánh pháp nơi năm ấm tức là cảnh của Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đều là cảnh ở nơi quán không chấp tục. Xưa so sánh nhiều giải thích, Kinh vốn có ba luận chứng, nay thêm vào luận chứng thứ tư v.v... Bốn luận chứng (câu) ba quán đã đều không chấp trụ, thì không chấp trụ cũng là không chấp trụ, vì thấy đều là Như, tức thể của trung đạo Thật tướng. Thế là nghĩa rõ ra vậy. Vì thế, nếu nói theo Chân đế, hì sao có chúng sinh là giả hay thật mà có thể được giáo hóa ư?

Tiếp đến biện minh theo Tục đế tức nói Thế đế, ba giả nên nói thấy có chúng sinh được giáo hóa. Nhưng lại nói tánh thật của tất cả pháp, nghĩa là xứng với tánh thật mà thấy thì không có chúng sinh có thể thấy. Như thế, cho đến chư Phật Thánh Hiền cũng đều gọi là thấy, cũng đều là không phải thấy. Ví như đây mà nói thì thấy có chánh, tà. Nghĩa là cái thấy của chánh kiến, cái thấy của tà kiến. Nay vì là các danh của giả danh gọi là thấy tất cả pháp, thì biết chư Phật, phàm, Thánh như vậy đều dùng lý chẳng phải thấy để thấy, xứng hợp với tánh thì thấy tất cả pháp vậy. Đó tức là tuy hai Đế khác biệt mà vì thiết lập việc giáo hóa, nên nghĩa hộ trì nhân, quả cũng chưa từng thiên lệch phước bỏ. Trong đây nói ba giả Không phải như Luận Thật nói ba thứ người v.v... vì nay không phải giáo lý Tiểu thừa. Tuy nhiên, hoặc dẫn ở sau vẫn nói về hai không, lúc ấy mới được dùng Tiểu xác nhận Đại v.v...

Tiếp theo, dựa theo nghĩa chủ thể soi chiếu để biện minh về Quán chiếu Bát-nhã mà nói “Pháp có”, “Pháp chẳng phải là chẳng phải” là Ma-ha-diễn - tức Sở đưa ra ý hỏi v.v... Nay nói “Pháp có” là đưa ra pháp nơi cảnh thuộc đối tượng được chiếu. Pháp “Chẳng phải là chẳng phải, thì câu này là tóm lược. Đúng nên nói: pháp chẳng phải là pháp, đều chẳng phải là chẳng phải pháp vậy. Tức là: pháp là có, chẳng phải pháp là không. Chẳng phải là chẳng phải pháp là chẳng phải, cái chẳng phải pháp đó, tức lại không luôn của cái Không, tức là trung đạo đệ nhất, tất cánh Không.

Câu “Căn cứ” tiếp xuống là Căn đáp. Đích thực nên như thế nào soi chiếu, vì chưa hiểu, vì phàm tình không thể hiểu được nên mới nói Pháp Ma-ha-diễn làm thế nào soi chiếu. Vì vậy, chính là lãnh hội vẫn nói ở trên, để phát sinh ý trả lời.

Ma-ha-diễn, Trung Hoa dịch là Đại Thừa, cùng với bộ Bát-nhã nay, đồng nêu ra tên gọi khác. Phật trả lời ý cho rằng ở nơi tự tánh Bát-nhã thấy chẳng phải là chẳng phải pháp. Nếu có thể thấy như thế mà quán chiếu thì có thể làm không luôn cả lý không, kia. Pháp này vì thế tức chẳng phải là chẳng phải pháp nên gọi là Không của chẳng phải là chẳng phải pháp. Đã nói pháp Không mà lại nói tánh pháp là Không, nghĩa là Không là Bát-nhã, tánh là lia, không có tự tánh. Lý vốn tự nó Không, ấy gọi là Thọ, tướng, hành, thức là Không cho đến mười hai duyên là không, cũng đều là lý nói trên.

Câu “Cho nên đáp” tiếp xuống là trải qua các pháp nói rõ về Không. Sơ nêu dẫn Đại Luận đã dựa trên sáu môn nói về Không: Nghĩa là Quả Báo Không v.v... Tuy Không chỉ là một nhưng nghĩa, loại lại chẳng giống nhau. Năm ấm là quả báo Không. Vì là pháp ấm thọ nhận quả báo. Thập nhị nhập thọ dụng Không vì căn cảnh đối nhau, nên sự thọ dụng đều riêng biệt Thập bát giới tánh biệt không. Là thêm vào sáu thức, một phần chuyên nói rõ là sáu hòa hợp trở thành sự thấy, nghe, biết khác biệt: Vì thế chỉ một tâm sâu sắc có ấm, nhập, giới phân ra, kết hợp khác biệt, là bởi do bệnh chẳng đồng. Vì thế nói v.v... Ngoài ra luận bàn về nghi hoặc là mê. Nói mê, nghĩa càng rõ. Tiếp nói sáu Đại gọi là Biến đáo Không (“Không” biến khắp) nghĩa là từng Đại đó điều khắp ở tất cả, mà có tướng trạng lẫn át nhau, tiêu diệt nhau. Đây lại riêng biện minh như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói v.v... Lại nêu dẫn kinh A-hàm nói sáu vị vua tranh cãi v.v... Nghĩa là năm thứ đều riêng có tác dụng, mà Thức đại là chủ, nên ở trong đó thì trội hơn. Nói Người duyên nghĩa Không tức là nghĩa có duyên sinh, duyên diệt của người quả nơi ba đời, mà cùng với Đế Cảnh chung, riêng có khác v.v...

Câu “Là pháp” tiếp xuống là căn cứ vào ba nghĩa để giải thích xác nhận. Tuy nhiên sinh diệt v.v.. vốn không phải là nghĩa của Không, nên nay chọn lấy nghĩa nhanh chóng, không dừng lại thêm vào để làm rõ nghĩa tức là Không, thì phương diện ý nghĩa càng sáng rõ. Vì thế nói v.v...

Nói “Tức Có tức Không”: là tổng kết luận, cái Có của các pháp quay về nghĩa tức Không, hơi khác với Sơ giải. Luận nêu dẫn kiến giải của các sư Tiểu thừa về sinh diệt, trước sau có đồng có dị. Mỗi mỗi đều đề cao, nhưng đều có lỗi v.v...

Nói như ngọn lửa nhanh đi qua đầu ngọn dao, tức nói chính xác phải là: Như ngọn lửa chạnh nhanh từ đầu đến thân dao. Ý nói nhanh đến mức không thấy dấu vết. Là thí dụ về nghĩa Không đã nói bên trên

mà thôi.

Sở ở trước cho các pháp hiển bày thì nói pháp ấy tức sinh tức diệt. Tiếp đến cho tâm niệm nói là Sát-na, Sát-na. Tuy nhiên ý nói vẫn còn khó hiểu. Vì thế, lại nêu câu hỏi ra để giải thích v.v...

Nói: “Chín mươi Sát-na v.v... như Kinh”, thì chưa kiểm chứng xuất xứ, Phàm cho một Sát-na là thời gian thật ngắn, nhưng Kinh lại nói trong thời gian ấy có chín trăm sinh diệt, dùng tính mà đo lường phân biệt cuối cùng chẳng thể hiểu được. Dùng bất khả tư nghị thì có thể hội được. Hoặc dùng ý chỉ của Viên, Đốn giáo để nói về nó ấy gọi là một niệm quán khắp vô lượng kiếp thì chín trăm sinh diệt cũng còn là ít thay phải dùng lý suy tìm, khó dùng lời nói hết v.v...

Từ câu “Chín mươi Sát-na” tiếp xuống là giải thích thông. Tức Không gồm hai nghĩa. Hoặc từ số một đến số nhiều, nghĩa là chín mươi Sát-na được thâm nhiếp trong một niệm, chín trăm sinh diệt được thâm nhiếp trong một Sát-na, tức thành tám vạn một nghìn sinh diệt tương đương với chín mươi Sát-na được thâm nhiếp trong một niệm. Suy tìm cái thật nhất định của nó là không thể được. Lại là ít của nhiều nơi tự nó, nghĩa là sinh diệt không ngoài Sát-na, Sát-na không ngoài một niệm, ở trong niệm đó tìm cầu cái thật nhất định không thể được. Ở trên tức là tâm Không, còn đây tức là nói niệm Không. Vì thế nói: Pháp như thế, Không thể đạt được. Đây gọi là tâm Không. Nhưng hiểu rõ tâm là Không, thì các pháp tự mất, tâm pháp mất đi, nơi chốn tâm pháp rơi rụng thì cái Không là ai

Từ câu “Lại dùng bốn đại phân tích các căn” tiếp xuống là ví như suy tìm từ bốn đại cho đến cực vi, rồi phân tích tiếp thì chẳng có gì có thể đạt được. Như thế mà suy tìm, chia chẻ nhỏ đến làm hư trần. Đó là sự phân tích đúng đắn, không giống như sự phân tích của ngoại đạo, tà vạy. Sắc đến mức hết không còn, tâm đến mức tột cùng thì hoát nhiên không có gì chấp trụ. Có thể nói là đã đạt đến mức rốt ráo. Song, đây cũng chỉ là sinh diệt để hộ trì quả vị Phật thuộc Tam Tạng giáo mà thôi. Nếu so với Đại Thừa vô sinh, vô lượng, vô tác thì cách xa. Thế tại sao ngày nay, mọi người toan dùng tâm thô vụng, suy lường nông cạn, bàn bạc về chỗ tinh vi của Phật pháp. Ta chưa hề thấy họ có chút gì phẳng phát hình bóng Phật!

Câu: “Như thấy sắc không” tiếp xuống là suy luận nói rõ yếu chỉ giáo lý Đại Thừa. Văn hay ngắn gọn nhưng lý thì rất đạt Như nói Thể của Thông giáo là không, chắc chắn không có tùy thuận theo người khác để nói: Biệt giáo nêu bày về tâm, sắc là một, là khác. Vì cho

là tâm, chủ thể tạo ra nên chẳng là khác. Vì cho không phải pháp - đối tượng được tạo nên chẳng là một. Lại vì giáo hóa phương tiện nên chẳng là một, vì lý thật nên chẳng là khác. Đây chính đạt được yếu chỉ của Biệt giáo.

Lại Viên giáo nói rõ sắc tâm và vốn không tịch, khéo bàn luận tức đầy đủ ý chỉ tại đây. Dùng để hộ trì quả Phật thì quả vị Phật đều được chánh dùng để hộ trì Bát-nhã thì Bát-nhã nhờ đây được rõ, dùng để hóa độ chúng sinh, thì chúng sinh nhờ đây được độ. Chẳng những hàng Bồ-tát hộ trì, mà chư Phật cũng đều hộ niệm. Vì cố sao? Vì lý đó vốn đồng. Nếu không như thế, thì có lỗi tổn hại tuệ mạng, bỏ mất pháp thân, há không đáng sợ sao?!

Kinh lại lấy tâm so sánh sắc, tức biện minh lật ngược trở lại. Nên nói: Sắc cũng như thế.

Câu “Vì Bát-nhã” tiếp xuống là nói chủ thể quán, quán trí, tóm kết thành cả hai soi chiếu, để hiển bày ý chỉ sâu xa của không nơi trung đạo. Nghĩa là vì Bát-nhã là Không, nên vô tướng, vô tướng nên soi chiếu và đối tượng soi chiếu đều vắng lặng. Đó chính là Bát-nhã Ba-la-mật như trong Đại Luận nói vậy. Nói Bát-nhã là còn tóm lược. Tuy nhiên, hiểu thấu rõ trong Bát-nhã ấy là Không có một chút pháp nào có thể thủ đắc, vì vậy nói: Không thấy duyên v.v... Tức là các pháp đều Không, gọi đó là không thấy, không phai nói Không soi chiếu mà gọi là không thấy.

Câu “Không phai thấy và thấy”: Văn thiếu một chữ sở (đối tượng). Vì đều bỏ mất tướng do đó chính là Bát-nhã chân thực, cũng là đối tượng được chứng đắc của hàng Trụ, Địa.

Như vậy, vô lượng giáo môn chung, riêng trước đây nghĩa là tiếp nối theo phần chính v.v... tức là tương tự Bát-nhã, cho đến trải qua các pháp nói rõ về Không, cũng gọi là phân biệt giới hạn của không. Nghĩa là tóm lược thì có mười hai loại như Văn Sớ hiện tại, hoặc mười tám loại Không như Đại Luận. Sớ nêu bày ra, giải thích v.v...

Như vậy thì Không vốn phá Có, Có đã là Không, thì Có lại lấy cái gì để thiết lập mà làm Tục đế? Cho nên nói: Chỉ vì pháp tích tập cho nên có. Tức là pháp có hợp, tan. Hợp là có là Tục đế. Tan là Không là Chân đế. Tích tập cũng là nghĩa hợp. Cả hai thứ nếu luận về mỗi thứ Không hoặc Có tức là thiên lệch, thiên lệch thì có hai bên, không phải Trung đạo. Cả hai đều biện minh, thấu rõ thì viên mãn, viên mãn tức Trung đạo; Trung đạo là Diệu như Kinh đây mà thôi.

- Ba giả cùng đối giải thích, như văn có thể biết

Tiếp nói về được mất thì như trong Kim Cương Bát-nhã có nói. Nghĩa là nếu thấy có pháp có thể giữ lấy được, tức là chấp trước tướng Ngã, Người, Chúng sinh, Thọ giả, thì đều là thấy. Nếu cái thấy này chưa bỏ thì là pháp Có. Không phải pháp không có, tức không phải chỗ gọi là khai nhãn. Nhãn là nghĩa chấp trước. Nếu không chấp trước cái thấy này, thì có, không đều đúng nghĩa là không khác thế gian, thấy giống như phàm phu thấy, không phải chánh quán, hẳn nhiên khác hoàn toàn với cái thấy có thể liễu ngộ tướng thế gian của đức Như Lai xuất thế gian. Tuy nhiên, nếu thấy pháp thế gian là không hợp, không tan v.v... đó là pháp Thánh cảnh phàm chưa bao giờ có khác, chưa bao giờ không khác. Chắc chắn đối tượng thủ chứng phải như thế nào thôi!

Câu “Đối với các pháp” tiếp xuống. Lại dùng Tông chỉ biện minh về quán. Nghĩa là tức Sắc là Không, lý đến tột cùng, sự đến đầy khắp. Vì thế nói bất động là pháp bình đẳng không có hai, Không có riêng biệt. Không có đến là vì gốc chẳng sinh nên không có thể diệt. Vô tướng không có cái Vô tướng nên các pháp đều Như. Còn lại như Số giải thích.

Từ câu “Là tức Sơ địa” tiếp xuống - Nói, một niệm tâm vốn có đủ tám vạn bốn ngàn Bát-nhã Ba-la-mật vì lý Thật duy nhất thì đồng, trái ngược với mê hoặc là trí tuệ nên phá trừ phiền não trần, nêu ra Kinh. Trong một tâm thấu rõ tất cả pháp, nên mỗi mỗi địa cũng gồm đủ công đức của các địa.

Câu “Tức tái nói”. Tái nghĩa là Chở cũng như chữ Thừa (xe). Diển cũng là nghĩa Thừa “Tức diệt là nghĩa chủ thể đoạn, nên như Kinh Kim Cương. Tùy theo nghĩa đặt tên gọi tuy khác mà lý giống nhau.

Tiếp nói về loại Bát-nhã thứ ba: Văn tự Bát-nhã, thì căn cứ vào Danh, vị Cú v.v... để biểu thị công đức sâu lớn không thể nghĩ bàn của Bát-nhã. Văn Sở trước nêu ra Thể của giáo, tiếp nói về công đức sâu lớn. Trước nói về nghĩa là: Giáo pháp của chư Phật Không ra ngoài ba thứ Danh, Vị, Cú, hoặc gọi là Danh, Cú, Văn thân. Đó là ba thứ giả lập, cùng với Thanh văn, một Thật chung làm Thể của giáo. Như văn Sở dẫn Luận đã giải thích v.v... Tức văn tự nay là chỗ nương tựa của Bát-nhã. Văn vốn đủ hai đức Bố thí: Tài và Pháp. Bố thí của cải bảy báu là Tài thí; làm cho đắc bốn quả v.v... là Pháp thí. Chẳng bằng khởi một tâm niệm tin vào Bát-nhã này, tức là còn hơn cả Pháp thí. Bởi vì niềm tin đối diện với hiểu (giải) thì hiểu sâu nhờ vào niềm tin, lớp lớp đối lẫn nhau so sánh quyết định có thể biết.

Từ “Cú chẳng phải Cú” tiếp xuống: Chính thức nói rõ về Văn tự

Bát-nhã. Cũng là tướng trạng tin và hiểu. Nghĩa là Cú chẳng phải Cú tức là Nghĩa đối với Cú như văn tuy chứa đựng bốn Cú mà ý chỉ sâu xa của ba Đế thuận hợp theo nghĩa Bát-nhã, vì thế đều là Không. Tức là ba cú tức một Cú, một Cú tức ba Cú, cũng tức chẳng phải ba, chẳng phải một Cú, vì diệu sâu xa bất dứt Không thể nghĩ bàn. Lại Cú tức là Văn tự, chẳng phải Cú tức là tánh lia của Văn tự, là cũng như Văn tự chứa đựng, ý chỉ sâu xa của ba Đế đều quên mất, cho nên tánh là lia. Chính cái tánh lia đó tức là Giải thoát; Giải thoát tức là Bát-nhã, cũng tức chính là Văn tự Bát-nhã nay v.v...

Chỉ Quán cho rằng: Thấu đạt Văn chẳng phải là Văn, chẳng phải là văn, chẳng phải chẳng là văn. Diệu chỉ đây thật là khéo phù hợp.

Câu “Lại Bát-nhã chẳng phải Cú” tiếp xuống: biện minh về văn, nghĩa đều là Không. Nghĩa là Cú chẳng phải Cú thì Văn là Không, nghĩa của Bát-nhã là Không, thì Cú chẳng phải Cú đồng nhau với Bát-nhã. Đây là căn cứ Tức, ly gắn liền với Thể.

Hoặc như trong ngoài tự tha cùng lia, truy cầu từng cái một đều chẳng thể có được, nơi chẳng thể nắm bắt được đó, tức Bát-nhã chân thật đáng hiện hữu ở văn này. Vì thế nói. Bát-nhã chẳng phải cú, Cú chẳng phải Bát-nhã, tức tánh đều là lia, đều không thể nắm giữ được.

Câu: “Lại nói: Bát-nhã cũng chẳng phải là Bồ-tát” tức nói rõ Người và Pháp đều là không. Bát-nhã là Pháp. Bồ-tát là người thực hành Bát-nhã. Pháp được thực hành là Không, thì người thực hành cũng Không. Vì vậy nói: Trong Bát-nhã cầu tìm Bồ-tát, chẳng thể có được. Đây là nói về Người Không. Dựa vào lý kết hợp sẽ hiểu rõ về câu nói Pháp Không. E rằng, sót đi một câu, hoặc vì trên đã nói đủ rồi, nên nay lược bỏ vậy. Nhưng Sớ viết: “Lược bớt Văn nói về người Không” thì không thể không có lầm lẫn. Hoặc nói rằng: Nay chính là nói người thực hành Bát-nhã. Như thế thì không hợp với nói Bồ-tát cũng Không. Cho nên nói là lược bớt. Tuy nhiên, bỏ thì đều bỏ, thật không nên nghĩa còn nghĩa bỏ. Hãy xem kỹ lại thử:

Câu “Vì cơ gì?” Tiếp xuống là chính thức đưa ra giải thích câu “Chẳng phải Bồ-tát” ở trên đã nói. Vì vậy mới có phần ở bên dưới nói về mười Địa ba mươi đời đều chẳng thể có được. Há chẳng phải là văn nói, về người Không ư? Tại sao lại nói ngược lại?

Nói : “Cũng chẳng phải Tát-bà-nhã, cũng chẳng phải Ma-ha-diễn, đều là Không”, tức đây lại dùng Người so sánh với Pháp để nói rõ Người Quả đều Không. Nghĩa là: Tát-bà-nhã là Quả, Ma-ha-diễn là Thừa, thừa (vận hành) tức là Người. Người Quả đều không, là nghĩa

Pháp Không. Há chẳng phải chính là dùng người Không so sánh biện minh về Pháp Không đó sao?

Câu “Nếu chấp vào thấy cảnh” tiếp xuống là Sở phân biệt cho rằng dựa vào Giáo tu quán, thì quán có tà chánh. Tuy Không là không có nghĩa ấy, nhưng chỉ là nhắc lại văn đã giải thích nhấn mạnh nói, rút gọn lại là tưởng điên đảo. Nghĩa là nếu thật có cảnh v.v... có thể thấy thì rơi vào vọng tưởng, thật chẳng phải là cái thấy của Thánh người, cho nên rút gọn, lập lại để giải thích.

Nói “Thấy ba cõi”: Nghĩa là v.v... (đẳng) mà Sở cho rằng “Thấy cảnh v.v... đối với ba Bát-nhã”. Nghĩa là Trí đối với Cảnh nói là Thọ, tuy đều là Bát-nhã nhưng nếu lấy Kiến chấp giữ lấy thọ nhận, thì đều là tưởng điên đảo. Vì thế nói gọi là chúng sinh quả báo vậy. Như văn Sở đã nói v.v...

Câu “Sáu thức” tiếp xuống: Nghĩa là vì chấp vào Tưởng mà thấy nên dấy khởi nghiệp quả, vô minh, phiền não trong ba cõi. Văn trong phần này lập lại nhiều ba chữ “Tam giới Không”. Câu “Về căn bản vô minh” tiếp xuống là đối với nghiệp quả ở trước đã nêu ra mà nói, trở thành ba nẻo cùng với vô minh, các tập khí còn lại. Cũng bao gồm trong ba cõi nên nói cũng vậy.

Mà mỗi mỗi đều nói tạng không, thì tạng tức là nghĩa tích tập, tàng chứa v.v... Không là giải thoát. Vì chúng sinh nơi ba nẻo mê lạc không thể tích tập. Vì ba đức đều là Bát-nhã, nên đều là không. Kinh Tịnh Danh có nói: Trừ bệnh không trừ pháp. Đây có thể tương đương nghĩa ở Kinh này.

Nói “Ba địa chín đời diệt”: Sở gồm hai giải thích v.v... Giải thích đầu thì ưu việt. Câu “Tức Kim Cương Tạng” tiếp xuống là nêu dẫn người (Bồ-tát Kim Cương Tạng) chứng nhập Không, cũng là giải thích nguyên do Không. Như Kim Cương hậu tâm nói trong Kinh Hoa Nghiêm, dùng Tam muội đạt lý tận cùng đoạn trừ vô minh rốt cuối. Đó gọi là Nhập trùng huyền môn.

Kinh đảo ngược một chữ “Tạng”, nhưng sai sót nhỏ, thứ tự đối với văn xem có thể nhận biết.

Câu “Phật đạt được ba Vô vi” tiếp xuống là biện minh về quả tốt cùng nơi chúng đắc Không. Ba vô vi gốc xuất ra từ giáo lý Tiểu thừa. Cũng nói là Trạch diệt, Phi Trạch diệt vô vi... Nay đối với Phật nên suy rộng nói là v.v... (đẳng).

Trong phần giải thích nghĩa “Hư không vô vi nói Không có sắc hiện xứ” là do Luận Khởi Tín cho rằng hư Không dùng để đối với sắc.

Có sắc thì có tướng có thể nhận thấy, tức là chỗ Không có sắc hiện chính là Không.

Câu “Nếu có tu tập” tiếp xuống là căn cứ việc nghe thuyết mà không có gì là nghe thuyết, đều quy tụ về nơi Bát-nhã. Nên tất cả pháp đều là Như.

Tiếp đến tóm kết sự tu tập trì quả vị Phật. Nghĩa là nếu y như nghĩa gì nói ở trên đây mà tu tập, thì tức là hộ trì quả chứng đắc của Phật, cũng hộ trì Tát-bà-nhã, Thập lực v.v... tất cả công đức, quả vị đều như nhau vậy. Cuối cùng nói đến lợi ích của đại chúng hiện có. Như Sơ giải thích v.v... có thể biết.

Giải Thích Phẩm Bồ-tát Giáo Hóa.

Giáo lấy sự lợi tha làm gốc. Không có lợi ích muôn vật, thì sao cho là giáo. Hóa lấy sự tu hành chính mình làm đầu. Không gắn liền với tu hành thì sao cho là hóa độ. Cho nên trước nói rõ về quán Không, để thành tựu công hạnh của mình hiện tại, tiếp nói đến giáo hóa, để sinh khởi việc lợi ích mọi người nơi đời sau.

Phẩm Giáo Hóa đây, chính là đáp lại nghĩa hộ trì bên trong đã nêu trước, tiếp đến là hỏi.

Nói theo nghĩa tự tha, thì không riêng mà riêng tức là hành lợi tha. Bởi thế, đầu tiên giải thích tên đề phẩm gồm có ba đôi

Nói Giáo và Hóa: Giáo là chỉ dạy cho chúng sinh lìa bỏ tất cả ác. Hóa là chuyển hóa căn cơ muôn loài thành tu tất cả thiện. Đây là một đối Thiện và Ác.

Nói Phật dùng giáo pháp này hóa độ chúng sinh được thành tựu hạnh Bồ-tát. Đây là đôi Phàm Thánh.

Lại dùng pháp này chuyển hóa các Quốc vương, khiến nhận biết về Bát-nhã. Đây là đôi Chân và Tục.

Phàm nói về Hóa chuyển có ba nghĩa tức là ý chỉ đã nói vậy v.v... Nhưng phẩm này tuy chính nói về sự hộ trì bên trong nhưng đã hóa độ các Quốc vương nên thật sự bao gồm cả hộ trì bên ngoài. Mặc dù dựa vào Tục đế, nhưng đã khiến cho nhận biết Bát-nhã, hiểu thấu các pháp là Không nên thật sự bao gồm đủ Đế (ba Đế). Một giải thích này thông suốt về lý, nghĩa càng thêm rõ.

Tiếp đến “Tùy thuận giải thích”: Câu “Bạch Phật” tiếp xuống gồm hai: Trước nêu ra hỏi. Nói Hộ trì Bồ-tát trong công hạnh của mười Địa: Đây nên làm hai lớp chủ thể, đối tượng. Lớp một: Bát-nhã làm chủ thể hộ trì, các pháp làm đối tượng được hộ trì. Lớp hai công hạnh của mười Địa là đối tượng được hộ trì. Bồ-tát là chủ thể hộ trì.

Nói hộ trì cái đối tượng hộ trì nào, để hộ trì nó mà không rơi vào thiên lệch ư? Đây là ý như thế nào hành hóa cái đáng được hành hóa v.v... gồm lập ra ba câu hỏi. Nghĩa là Bồ-tát hành hóa, thì sự hành hóa đó rất chung, nay trong đây hỏi sự hành hóa nào có thể tu hành. Là câu hỏi thứ nhất. Lại ở trong đó có tự, tha thì dựa vào quả vị, nào để hành hóa mà hóa độ chúng sinh là câu hỏi thứ hai. Phàm thấy chúng sinh có tướng chấp trước, tướng lìa bỏ, này dùng tướng gì mà thấy chúng sinh để kham nhận việc hóa độ, là câu hỏi thứ ba.

Câu “Xét theo” tiếp xuống là nhận định trả lời. Tức năm Nhẫn là sự hành hóa, mười Địa là quả vị, tự và tha đều là huyễn. Theo thứ tự đó trả lời rõ ràng vậy.

Câu “Lại Kinh này” tiếp xuống là nhận định lần nữa về nghĩa tự tha. Tức lại dùng Tông nêu lên mục. Chẳng riêng biệt, mà riêng biệt là hành lợi tha.

Từ câu “Phật nói” tiếp xuống là Văn trả lời, gồm hai phần. Đầu tiên phân khoa nhận định, tiếp đến giải thích rộng ra v.v...

Song dùng năm Nhẫn trả lời cho câu thứ nhất, nghĩa là năm thứ: Phục Nhẫn v.v... là pháp của Bồ-tát. Căn cứ quả vị thì mỗi vị phân ra ba phẩm, mỗi một phẩm có tướng trạng tăng tiến mà vị thì trụ bất định, kết hợp với ý chỉ đều Không, an trụ ở Đế lý nên chung được gọi là Nhẫn. Đó là chỗ nương tựa của Bồ-tát hành hóa. Tức là tu hành các pháp có thể thực hành vậy.

Trong phần giải thích rộng, Số kết hợp năm Nhẫn và sáu Chủng tánh để giải thích và bổ sung thêm nghĩa phần văn nói tướng Hoặc, là đối tượng được đoạn, nên thật không dễ hiểu rõ. Phân trước nêu ra các tướng khác rồi sau dùng kết hợp. Cho nên, nay nói tướng khác: Căn cứ vào giải thích thông thường thì Sơ địa Biệt giáo chứng đạo đồng với Viên giáo, đã phá Vô minh có thể phân thân ra trăm cõi thành Phật. Mà Kinh này nêu ra mười Địa, chính là phân ra làm bốn. Nghĩa là ba thứ trước, một thứ sau dùng đối với mười Địa. Tức hai trước cũng là hai Nhẫn Tín, Thuận, thì ba Nhẫn sau mới phá vô minh. Nếu vậy thì cùng với Sơ địa chứng đạo đồng với phần quả của Viên giáo, thì hiện dấu vết v.v... là tướng trạng khác thứ nhất. Lại Hoặc - đối tượng được đoạn của hai Nhẫn: Tín, Thuận thì chỉ đoạn phiền não thô, trọng sắc, tâm nơi ba cõi. Đây với cách thông thường giải thích có khác, là tướng trạng khác thứ hai. Ở đây cần biết có hai nẻo đường Giáo, Chứng-Căn cứ vào Chứng đạo để biện luận, chắc chắn sẽ như vừa nói bên trên tức đồng với Viên giáo. Nay chọn lấy nẻo đường Giáo làm nghĩa, thì chẳng trở

ngại những phẩm khác nhau trong mười địa. Và nghĩa của Hoặc được đoạn trừ nhiều ít, nghĩa tương ứng xác lập ba phần thượng trung hạ của quả vị nơi Vô sinh nhẫn, như là văn nay nói. Vì căn có lợi độn. Lợi thì ba phẩm đầu liền phá vô minh. Độn thì ba phẩm trung mới phá, lại kế tiếp ba phẩm sau mới phá. Đã cho là đầu tiên phá được thì cũng chẳng trở ngại nói chứng đồng với Viên giáo. Tiếp đến chưa đoạn thì vẫn còn ở Tín, Thuận nhẫn cũng là ảnh hưởng cùng hiển bày vậy. Cho đến ba Nhẫn sau đoạn, thì quả vị mới định cùng như hạ căn tiếp nhận quả vị của họ là định rõ đó vậy. Mà Hoặc - đối tượng được phá kia, tuy phân biệt sự khác nhau của sắc tâm và tế, nhưng đối với lợi căn thì tức là vô minh, người độn căn tức Kiến, Tư Hoặc. Thế thì lại đâu có gì cố định hẳn vậy. Huống nữa tất đằm bao trùm muôn vật! Đầu tiên không có pháp nhất định, nói có đường khác, chớ cho danh tướng la mê người có chí học thì nên tận tâm, như chẳng như vậy thì đặt qua ư! Một bên.

Câu “Kinh nói phát khởi tướng tín”: Tức quả vị tương đương Tín của Biệt giáo, là phát khởi tướng trạng trước đây của tâm Tín. Số cũng làm chữ Tướng. Đó gọi là về lý thì vốn đủ tướng này; dựa vào lý khởi lên tướng v.v.. cũng là nghĩa đó vậy.

Câu “Nhưng cùng với Viên, Biệt giáo nay khác vậy v.v... là nói mười Trụ đầu của Phục Nhẫn. Căn cứ vào quả vị mà định lượng, cũng là Nhị thừa. Mà nói “Vượt qua” tức là căn cứ sự nhận biết trong đó, trí tuệ hiểu biết có thể hàng phục vô minh. Số lại dựa vào Tín của Viên giáo để giải thích. Nghĩa là hoặc sợ chọn lấy văn giải thích Tín này giống như bằng với chỗ loại trừ bốn trụ vô minh. Nhưng mà kia lấy sự hàng phục vô minh làm vượt qua, đây lấy việc đoạn trừ làm vượt qua. Nghĩa đó đã thông suốt, thì sự tiến thoái không có lỗi, mà cũng là thuận tiện tiếp nối nghĩa “Nuôi lớn Thánh thai” ở bên dưới. Theo nội dung như đây nếu luận về việc xuất thai thì thì phù hợp ở phần Chân đế. Hoặc riêng có ý v.v... Từ đây trở xuống nghi rằng văn sơ nghi ngờ thêm một hai chữ. Phần cuối văn sẽ nói việc xuất Thánh thai.

Câu “Khởi Can Tuệ” tiếp xuống nghĩa là nói chưa có nước Lý, vốn là đang ở điểm khởi của Văn tuệ, nên nói là Can Tuệ. Nay ở trong vị Tư, Tu tuệ mà nói e rằng vẫn như cách nói ở trước, nên khởi đầu từ Can Tuệ là Văn tuệ. Đó thật ra chính là tương đương vị Phục Nhẫn. Số nhận định về quả vị vốn đương là... nhưng giải thích chữ Văn lầm thành chữ Danh (Danh tuệ). nghi rằng nhiều hơn một câu kết. chữ Thiên (là ngàn) thì không đúng. Nhưng Kinh chính xác đã vậy, há lại không dùng!

Cũng có mười thứ, tâm gọi chung là ý, vì vậy bốn thứ là ý tức chỉ Niệm xứ. Ở Thân, Thọ, Tâm, Pháp khiến không dấy khởi tà vạy, điên đảo. Ba thứ là ý tức chỉ ba Nhãn khiến không dấy khởi suy nghĩ về người quả ở ba đời. Ba thứ là ý, tức chỉ ba thiện căn khiến không dấy khởi ba độc. Như Sở nói v.v...

Câu “Lại có” tiếp xuống: Nói rõ về Thập Hượng, tức quả vị Đạo chủng tánh. Cũng nhờ tu tập Phục Nhãn trước đây, nên tiến đi vào đạo bình đẳng, cùng với Thánh đạo của Sơ địa làm người tu tập. Cũng vẫn như trên nói tức dùng trước so sánh đối chiếu với sau, thì lại có mười loại Nhãn v.v... dùng Quán đối với Nhãn, thứ tư có thể biết. Quán đầu tiên ở sắc ấm được Giới, Nhãn, nghĩa là gốc của giới, tác, vô tác thuộc về ấm, sắc thu nhiếp, nên quán sắc, ấm thì phát ra Giới Nhãn. Nhưng vẫn không nói lý do được Sắc ấm thu nhiếp. Đây như Luận riêng v.v... Câu “Dùng quán này, thì Thức đối với tri kiến nhãn v.v... như Sở nói và v.v... Cũng có thể người nơi tưởng vào Định, Thọ thì lấy Pháp tuệ, Hành thì lấy Không giải thoát. Thức là tâm vương mà có thể phát ra v.v... trước sau không nhất định. Quán người quả của ba cõi là, Không, đắc ba nhãn về không v.v... như Sở có thể biết. Quán hai đế thông suốt, hiểu rõ pháp là vô thường gọi là Vô thường Nhãn. Thấu đạt tất cả pháp là Không gọi là Vô sanh Nhãn. Nhưng Thập Hượng vẫn còn là Đạo chủng tính tuy chưa đắc Vô sinh, mà được tồn tại chẳng lâu. Thế cho nên nói vậy.

Lại dựa theo Vô thường v.v... nhận định về hai Nhãn cũng là một cách giải thích thông thường. Từ hành, vị riêng biệt của tự nó mà nói, nghĩa là cũng có thể quán vô thường, an trụ ở vô thường, quán Vô sinh thì an trụ ở Vô sinh, đầu tiên thì Không có quyết định hiện hữu (an trụ).

Câu: “Là mười tâm kiên cố của Bồ-tát” nghĩa là không ngoài do mười Nhãn trước đây mà được thành tựu đức hạnh nhãn chịu, kiên cố. Cho nên nói vậy.

Câu “Lại Tín nhãn” tiếp xuống là nêu ra khởi lên quả vị của Nhãn “Nhưng vì” tiếp xuống là ba loại Tín, nghĩa nói rõ đây tương đương Chương tín tức là quả vị của Sơ địa chứng đạo. Ấy gọi là khéo sáng suốt thấu hiểu mà tu hành trong đó, còn đối với quả vị thì như Kinh nói, tức địa thứ nhất, hai, ba; các Nhãn sau đối với quả vị ví như đây. Nói “Tu hành trong đó” cũng như vẫn tiếp dưới nói tu hành trong Nhãn vậy.

Nói đoạn các sắc phiến nã trời buộc trong ba cõi, tức ba vị Hiền trước đoạn các Hoặc, thô, chứ không phải nói Sơ địa mới đoạn. Nếu cần

cứ chứng đạo thì đồng với Viên giáo kết hợp việc đoạn căn bản vô minh ở ngoài cõi. Đã như trên chỉ rõ, mà nay lại nói phiền não tâm tức tướng đương phần trước nói sắc v.v... nhưng chỉ căn cứ vào tâm sắc mà nói. Nay căn cứ sắc tâm đều là tâm, gộp lại mà nói. Vì thế, phải kết hợp để luận nghĩa vậy.

Như văn tiếp dưới, lại nói phiền não tập, thì tập là vô minh chánh sử, cho đến sau tướng Vô minh tập tận cùng hết, mới phân thành chánh tập. Nói riêng mỗi thứ là đều có nghĩa của nó. Cho nên biết, cách nói là một nhà tập khí, thì thật là khó hiểu. Như luận riêng v.v...

Trong phần văn trình bày về thân nhiếp hóa thân nói một thân, nhiều thân, Sơ giải thích nghĩa là hóa thân thật có sự khác nhau, nhưng cũng chỉ là cách thông thường gọi là phân thân ra trăm cõi ngàn cõi v.v... Đã nói phân ra quả thì tự nhiên vô lượng thân là một thân; một thân là vô lượng thân chỉ căn cứ ở quả vị sâu, cạn. Dùng gốc theo ngọn thì một thân là vô lượng thân, dùng ngọn theo gốc thì vô lượng thân là một thân. Cũng thuận theo mà nói khác, tức nói một thân tức là Không, vô lượng thân tức là giả không phải một, không phải vô lượng là Trung đạo.

Câu “Lại dùng mười lăm tâm” tiếp xuống là từ từng phần cho đến tột cùng. “Là gốc của tất cả hành của Bồ-tát”: Nghĩa là Bồ-tát dùng Tứ nhiếp v.v... cùng chung mười lăm tâm mới phát khởi ở đây, đó là nghĩa Thủ (đứng đầu); là gốc của chủ thể sinh các hành là nghĩa chủng (Chủng tử) như Sơ nói v.v...

Nói: “Đoạn trừ các phiền não tập, tâm v.v... trong ba cõi” tức là bao gồm cả trước đối chiếu sau, nghĩa có tiến thối giảm như trên đã nói. Cho nên, Hoặc được đoạn ấy có sắc tâm đồng dị cùng sai biệt, như trước đã luận bàn. Nói tâm sắc phiền não tập v.v... thì chẳng phải như trên nói cho rằng Hoặc thô nên sắc tâm đều đoạn, mà đây là quả vị rất cao nên Hoặc sâu, và nhỏ nhiệm, không những không phân ra được sắc tâm, mà chánh tập cũng không thể phân thành, tức là không có tập có thể đoạn. Lại nếu căn cứ vào tâm sau của quả vị Đẳng giác thì ngược lại tu tập bao gồm sự, cũng đoạn trừ Hoặc vi tế v.v... tức có tập khí có thể đoạn. Mà văn sau nói cùng đoạn chánh tập; tức là cũng không trở ngại bao gồm có nghĩa này, mà nghĩa đầu tiên không có vậy. Cho nên biết cảnh giới của chư Phật trên phải hạn của Hiền Thánh, quyết không thể lấy lượng định rõ mà luận bàn.

Tiếp nói về Tịch Diệt Nhẫn thứ năm, nghĩa là so với bốn Nhẫn trước thì có khác nhau của tận cùng và chẳng tận cùng. Bốn Nhẫn kia thì gọi là Người địa tu hành tuy có đoạn phiền não Hoặc mà chưa tận

cùng đến bờ mé. Như là chánh, là tập thì Phật mới rớt ráo đoạn tận. E rằng có phù hợp với nghĩa Văn ở phần này. Nếu cho rằng nghĩa Tịch Diệt Nhẫn là đều đoạn trừ tâm sắc, tướng tập v.v... thì cũng còn năng sở đối đãi Nhẫn ấy đối với danh, tướng chưa có thể quên mất vậy.

Nếu nói về sự tốt cùng của Nhẫn, là tốt cùng ở vô sinh, tốt cùng ở vô diệt, thì không có tâm nào mà Không tịch, Không có tướng nào mà không diệt; nơi diệt của vô diệt đó chính là nghĩa của tánh tịch chân thật, là chỗ của chư Phật và Bồ-tát cùng chứng. Vì thế nói v.v... Đó cũng là đồng vận dụng Trí Nhẫn nhập vào định của Lý Kim Cương. Căn cứ vào tu chứng để nêu bày về nghĩa nên nói: Vận dụng đi vào, không còn Thể riêng nào khác nữa vì không là thứ lớp, mà thứ lớp người quả đã phân ra, tức là sự khác nhau của tốt cùng và phần hạn.

Câu “Cho nên nói” tiếp xuống là nói sự tu hành trong Nhẫn v.v... Căn cứ Nhẫn phân ra vị thì Người gọi là Bồ-tát, Quả gọi là Tát-bà-nhã cây, cùng quán Đệ-nhất-nghĩa-đế đoạn trừ tập tâm phiền não, đó là dùng tận tướng vô tướng. Phân ra nói tận tướng tức là đối với trước mà nói, chính là tâm sau Kim Cương. Nói tận tướng vô tướng thì bao gồm cả sau để diễn đạt cái quả Tát-bà-nhã tốt cùng.

Câu “Cho đến ở địa vị vượt qua Hai đế” tiếp xuống là dùng vị Đẳng giác đối với Diệu Giác mà nói. Tức địa thứ mười một là Tát vân nhã, phiên dịch là Nhất-thiết-trí trong đương quả vị Đẳng giác.

Câu “Giác chẳng phải có, chẳng phải không” tiếp xuống là chính nói vị Tát-bà-nhã của quả Diệu giác. Dựa theo Sớ phiên dịch là Nhất-thiết-chủng-trí. (đã thấy ở quyển trung) thì chữ “Nhã” của đầu tiên và thứ hai (Tát vân nhã, Tát-bà-nhã) càng phù hợp với phần trên hơn! Vì thế, biết người xưa phân biệt sự đồng khác và phiên dịch danh nghĩa đảo ngược vậy. Do đó, mà bàn luận, thì Tát vân nhã cũng như vẫn còn chưa đến quả vị tốt cùng. Nếu căn cứ vào Thể để nói, thì Tát-bà-nhã mới chính là quả vị tốt cùng cũng căn cứ vào Dụng mà nói, thì Tát-bà-nhã được gọi ấy là thừa hành, vận dụng đi đến ba cõi để hóa độ. Như thế, giải thích chi tiết tức cả hai có đồng có khác, rõ ràng có thể biết. Cho nên, giữ lại cả hai cách nói. Và Sớ theo cách giải thích trước; đều thuận theo sự dung hòa mà nói vậy, không nhất định cũng nói như người xưa.

Câu “Kim Cương dụ định nói” là dẫn giải hai cách nói của người xưa v.v... Sớ tuy không xác định nhưng nay cho rằng hai chỗ nói Kim cương ấy, chính tự nó không đồng với “Dụ” trong Đại Kinh, tức có thể ví Kinh này là Kim cương trí định, có thể phá phiền não mà tự thể nó

Không hư hoại; như Kinh nói v.v... Nếu như chỗ Đại luận nói cho rằng sừng dê, mai rùa có thể bị nghiền nát thì đây là những loại vật chắc chắn cùng cảm nhận được, cũng chỉ như đá quý, Kim cương đó vậy. Đây là gốc từ Đại luận nêu bày. Nay nói từ Đại Kinh, e là lầm. Chính là nói “Không có tiếng kêu nào phá được âm thanh đó” là nghĩa ấy vậy.

Nếu như Kinh Lăng Già đã nêu, thì Vàng, Kim cương có đủ tính chất không thể phá hoại, tức một văn này có thể chứng minh hai sự khác nhau. Xưa nay phần nhiều không biện giải về điểm này, chỉ nêu bày ra thôi.

Câu “Lại nữa” tiếp xuống là nói sự hành hóa trong Nhân cùng phối hợp với quả vị. Gồm có ba nghĩa: Nghĩa là quả vị có thượng hạ. Thân nhiếp có người quả, hội nhập có trước sau. Như Số nói v.v...

Chữ “Tát-bà-nhã” như phần văn Số trên đã phiên dịch là “Nhất-thiết-chủng-trí”, nay lại phiên dịch “Nhất-thiết-trí”, e đoạn văn này lầm v.v...

Nói “Đẳng giác hoặc có hoặc không”, thì nay dùng Bát-nhã phụ vào để thông hợp, nên không giống như là có riêng biệt. Dẫn hai văn chứng minh, càng thấy rõ Không thể nói Đẳng giác là như thế.

Nói tập, vô minh, tận tướng: Như Số đã phân tích, giải thích v.v... đều là luận đến chỗ cực vi, sâu nhiên tột cùng, chỗ phù hợp với nghĩa tận tướng và tâm. Rõ ràng, nói theo trí tuệ, thì tuy có thể tận trừ hết tướng, mà chưa tận trừ được vô tướng thì vẫn còn có trí, trí tuệ hiện còn không tự quên mất, thì Thể chân thật của Bát-nhã không tự nhiên mà sáng. Đây nghĩa là ngoài tận trừ tướng ra, cần phải tận trừ cái tận trừ kia thì mới gọi là Tát-bà-nhã. Nếu nói Tát-bà-nhã vẫn còn ở Trí địa, nên chưa đủ đạt đến đích tột cùng, thì điểm đến tột cùng ấy chính là tướng, vô tướng đều tận trừ hết. Vì vậy, vượt qua hai Đế, là vượt ra ngoài cảnh ấy, Giác chẳng phải có, chẳng phải không, là ra ngoài cái gọi là trí tuệ, tức chỗ gọi là đồng chân đế bình đẳng pháp tánh thì cũng là giả danh. Nếu vượt ra ngoài những thứ đây, thì kia tự nhiên không có, kia không đây không, thì chủ thể, đối tượng cùng bật dứt, cầu sự sáng suốt, rõ ràng chẳng có gì là đạt được, thì vô minh sao được còn hiện hữu ư?! Đây là chứng minh lý do Trí tuệ là tướng chủ thể mà lại có thể tận trừ vô tướng, khiến cho tận cùng tướng vô minh, cũng đã bị tận trừ theo vậy.

Lại nói: “Vô minh chưa tận trừ hết, tức chỉ là vô tướng chưa tận trừ hết”. Như vậy, theo đây mà giải thích, cũng không cần phân tích, chọn lọc. Lại việc tận trừ và không tận trừ tướng đây nếu giới tận trừ một, ắt được tận trừ cả hai. Khiến cho tận trừ cả hai mà không giới, thì

tận trừ một cũng chưa xong. Có thể dùng lý để hiểu, khó dùng lời nói hết vậy.

Nói: “Tát-vân-nhã là cửa địa thứ mười một”: Tức tương đương quả vị Đẳng giác, chấp nhận có lý “Chưa tận cùng”. Vì vậy Sớ nói: “Theo như trước giải thích”. “Như trước” lại nói “Có nghĩa tức là ngầm nói về quả vị Đẳng giác”, hoặc sợ lầm chữ “Như trước” để chỉ văn trên, thì văn giải thích sau sẽ lầm cho là hai cách nói ở trên đều có thể là Tát-bà-nhã. Tát-bà-nhã đã tương đương quả vị Diệu giác, chứng trí đến tột cùng, sao được cùng gọi chung với Tát-vân-nhã? Vì thế biết Tát-bà-nhã ra xa hẳn các biểu thị của danh tướng, nghĩ bàn. Đều trở về một Như mà thôi. Dùng Tát-bà-nhã dấy khởi sự nghiệp giáo hóa thì gọi là vận dụng, nương theo mà đến ba cõi để giáo hóa, ấy gọi là như điều khiển chiếc xe đi đến đích, cũng gọi là Thừa vậy.

Câu “Vì sao gọi là ý chỉ sâu nhiệm của Kinh này thì có giống như đây”. Câu này có thể bỏ qua v.v....

Câu “Vô duyên đại bỉ” tiếp xuống là nói về phần loại của sự thâm nhiếp giáo hóa. Nghĩa là quả vị cứu cánh thì giác ngộ tự mình, giác ngộ hành hóa đã viên mãn, vận chuyển chiếc xe Trí tuệ, dùng duyên của vô minh, mà duyên với chúng sinh trong cảnh khổ đau nơi ba cõi, để thực hành tâm bi hóa độ. Vì thế nói: “Tất cả chúng sinh bình đẳng”. Từ có ba thứ, thì Bi cũng theo đó như vậy. Chẳng nói v.v... (đẳng)

Từ câu “Này người thiện nam” tiếp xuống, là nói dùng Tông tóm kết nghĩa thấu nhiếp. Bởi vì sự giáo hóa cơ, cảm, chủ thể, đối tượng này theo gần mà tóm gọn không ngoài nhất tâm, tam giới. Đây tức có kết hợp ý chỉ sâu xa về cái gọi là “Tam giới duy tâm”. Cho nên, lại là Tông chỉ. Văn trước tuy chính thức nói về công hạnh tự mình, mà cũng bao gồm cả nghĩa lợi tha, tuy gộp rút việc cứu khổ, mà cũng nói chung về sự an lạc, nên phần chính đều không ngoài các văn bên trên đã nêu bày. Và thế nói: “Tất cả chúng sinh, phiền não không ra ngoài sự tích chứa (tạng) trong ba cõi.

Như vừa nói nghĩa tích chứa (tạng) trong ba cõi, nhưng văn trước có nói nghĩa Tạng không, tức là nay nói về cảnh của đối tượng được hóa độ nên khác.

Nói hai mươi hai căn: Sớ giải thích tổng các căn, xác nhận từng đó số, không thể không có lý đúng. Nhưng đã liệt kê ở phần dưới các quả báo lại nói: “Không ngoài ba cõi”; e rằng đó là nói: “Không có sự giáo hóa nào mà không xuất hiện”. Nếu dựa theo ba cõi, sáu căn mà nói, thì có mười có tám, gồm với Noãn, thức, tức, mạng tổng biệt đều nêu, cũng

là hai mươi hai, lý ấy có vẻ gần, nên cùng nêu ra đây v.v...

Câu: “Thân Pháp, Ứng, Hóa của Phật không ngoài ba cõi”. Tuy nhiều, cho rằng Phật đã phá trừ bốn Ma, đã không còn được kể là trong ba cõi. nay là cho Pháp thân của Phật. Không nơi nào không có mặt, cho Ứng thân, Hóa thân của Phật thị hiện vô cùng, không giới hạn phương sở, Ứng Hóa tức là Pháp nên không ở trong ba cõi, Pháp thân tức là Ứng thân nên không ngoài ba cõi. Kinh bao gồm hai ý, nên nói: Ứng, Hóa, Pháp thân.

Sớ giải thích theo ý sau. Vì vậy nói: “Ngoài ba cõi thì không có chúng sinh riêng khác, nếu không có chúng sinh riêng khác, thì Phật chỗ nào hóa độ, mà nói là ngoài ba cõi ư?”

Từ câu “Vì thế, Ta nói” tiếp xuống: Sớ cho rằng chữ “Thích, thuyết” (lắng nghe, Ta nói) thì chữ “Thích” tương ứng tiếng gọi bình thường. Nghĩa là Kinh của ngoại đạo thuyết giảng cũng nói là “Thích”, chấp nhận có như văn kinh đây, nhưng thuyết giảng thì không phải nghĩa rõ ràng, chính xác theo Lý. Vì thế nói: “Không phải sự thuyết giảng của bầy Đức Phật”.

Câu “Đại kinh” tiếp xuống là nêu dẫn các Kinh chung chứng minh Thế của ba thân tức là bốn cõi Không sai biệt cho nên biết, ngoài ba cõi, không có ba cõi riêng biệt để nói vậy. Trong ngoài cõi đều là một, đây là nói cùng trọn lý. Tiếp đến phân biệt nhận định bên ngoài cõi thật có hay không. Trong phần giải đáp nói có, không đều chẳng nhất định, rồi nêu ra Thánh giáo nói rõ điều này, có thể biết. Tuy nhiên, Kinh Pháp Hoa nói ở ngoài ba trăm do tuần, phương tiện thiết lập Hóa thành, thì ngoài ba cõi còn riêng có cõi phương tiện. Dựa vào trong, ngoài cõi luận định về có hoặc không tức là sự khác biệt của pháp tánh và phần giả. Nếu như Không Tịnh Danh nói: Xét theo mười phương cõi nước là không có cùng tận, sao lại dùng một phương định đoạt nó là có hay không? Lại hỏi: Điều rút ra từ Thánh giáo mà có, không như đây nói, há không phải là mâu thuẫn với Thánh giáo ư? Trong phần giải đáp là hội chung giải thích. Ý là: Chúng sinh có hai loại:

1. Chúng sinh trong cõi Phật có sinh tử quả báo.

2. Chúng sinh ngoài cõi, thì có pháp tánh người quả biến dịch.

Mà Kinh đây nói không có, tức không có chúng sinh thuộc phân đoạn (sinh tử), còn lại Kinh nói có, thì là có chúng sinh thuộc biến dịch. Đây là có và không có sở dĩ khác là vậy. Nay nói ngoài cõi không có chúng sinh thuộc biến dịch; e sợ lầm, hoặc riêng có ý, khác xin xem kỹ lại.

Cũng nên theo như trên mà nói: Trong cõi nói có, là có chúng sinh thuộc phân đoạn; trong cõi nói không có là không có chúng sinh thuộc biến dịch. Nghĩa này có thể biết. Vì vậy nói hàng Thanh văn sinh ra ở ngoài cõi, thì ví như trên đã nêu rõ v.v...

Nói “Sinh thế giới bạch ngân” tức là nói không có phiền não nhiễm ô. Căn cứ ở không có phiền não nói không có sinh, là cũng theo giải thích thông thường như vậy. Mà thật ra, Thanh văn hoàn toàn vẫn còn vô minh, há được gọi là vô sinh ư?

Nói “Vệ Thế sư ngoại đạo” tức chỗ văn bên trên, bác bỏ các sư chấp đại hữu (chấp có). Họ cho ngoài ba cõi, còn có thế giới khác, cho rằng y báo giống như chánh báo nên cũng có chúng sinh riêng khác. Nếu không phân tích riêng cái lý do khác ấy, thì cũng đồng với ngoại đạo tà thuyết.

Lại nói: “Luận Khởi Tín có nêu: Nếu nói ngoài ba cõi lại còn có chúng sinh bắt đầu sinh khởi, tức là Kinh của ngoại đạo thuyết giảng”; chính là chỉ Kiến chấp của Vệ Thế sư này vậy. Chỉ vì Luận kia bao gồm nói đến nghĩa Như Lai Tạng là vô thủy vô chung nên mới khẳng định: “Không được nói có chúng sinh bắt đầu sinh khởi” (hữu thủy), mà cho đây là khác với ngoại đạo đó thôi!

Từ câu “Thật lý” tiếp xuống: Căn cứ vào Thật mà luận: Nghĩa là Vốn chẳng phải là không hay có. Nói có và không đều là thuyết giảng tùy thuận tất đàn, cũng là phá chấp nên thuyết để đối trị. Vậy nên, nói có là phạm phu ngoại đạo, nói không có là đồng với Nhị thừa. Nếu là Bồ-tát, Phật thì thật thấy, thật biết chẳng có chẳng không chẳng như chẳng khác, lý thật trong đó là tâm, không giống như ba cõi thấy, là phân biệt tình tướng. Đây chính là thuyết giảng của Kinh Pháp Hoa, cứu cánh khai bày tỏ rõ vậy.

Từ câu “Đại vương ta thường nói” tiếp xuống là dẫn xưa chứng minh nay. Nói rằng tất cả hoặc nghiệp quả báo nơi ba cõi của chúng sinh đều trừ sạch hết, tức gọi đó là Phật, cũng gọi là Giác. Không để một chút gián đoạn, há để cho chúng sinh xen vào gián đoạn? Trong phần này nghi đã thêm một chữ Giác. Cho nên biết nơi ba đạo chuyển tức là Phật là Trí tuệ, là hành hóa nơi bản nghiệp. Ở trong năm Nhẫn thấy đều đầy đủ, lại không có đạo khác, há có chúng sinh ở ngoài ư? Bản nghiệp của chúng sinh tức sự nghiệp tu hành của Phật và Bồ-tát, nghĩa là tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay với những sự nghiệp tu hành xưa kia, thì Thế tương đương không gì không phải Duyên, Liễu của tánh đức, cùng với năm Nhẫn nay thật sự bình đẳng không khác.

Đó là như Kinh Tịnh Danh nói: Không lìa si ái mà phát khởi các minh, giải thoát vậy.

“Cũng có thể”: Nghĩa là theo điểm chính mà tóm kết. Cho nên nói: Trong năm Nhẫn, mười bốn Nhẫn đều có đủ. Tức ba cõi không ngoài một tâm; một tâm không ngoài tự tánh. Nên nói: Tự tánh thanh tịnh.

Sớ thì lại nói: Do phiền não nên tu hành, nhờ tu hành nên thành tựu đức, đức thành tựu thì quả viên mãn. Suy từ gốc mà nói thì chỉ là một lý.

Từ câu “Bạch Phật rằng” tiếp xuống là phần thứ hai, tiếp phần trả lời là hỏi trong đây trước lặp lại câu hỏi, sau trong phần đáp, trước nêu bày về Thập địa và nơi hành hóa của Phật quang minh. Đó gọi là vượt qua sự thanh tịnh của Bồ-tát vốn có hiện hành nghĩa là tri kiến của Phật, là cảnh vi diệu mà bậc đạt được quả vị cứu cánh đã chứng đắc; quay trở lại dựa vào pháp này giáo hóa chúng sinh hộ trì sự thanh tịnh hiện hữu, bởi thế tức là không có “Mất”. Như trước đã phân biệt v.v...

Văn Sớ nêu ra hai Kinh là Pháp Hoa, Tịnh Danh để giải thích nghĩa “Mất”. Hầu như tương tự giống, mà có ý khác. Tiếp đến phân định giới hạn chung của mười địa, như giải thích bên trên v.v...

Tiếp đến nói rộng về bản nghiệp, như văn Kinh nói có năm. Nghĩa là trăm, ức v.v... cảnh nước, rộng hẹp, thứ tự, số tầng. Giải thích về cõi nước có ba v.v... căn cứ theo đây thì trí tuệ đứng đầu, thần thông kế tiếp, thuyết pháp là sau cùng. Cũng có thể lấy đây phối hợp với ba cõi: Đồng cư v.v... Như vậy, thuyết pháp thì chung ba, thần thông chỉ hai, trí tuệ chỉ một. Tuy phân biệt là vậy, nhưng thần thông cũng bao gồm đủ. Sao có cõi dưới mà không có thần thông ư? Cõi Tịch quang mà không có thuyết pháp ư? Làm Tứ đại Thiên Vương v.v... thì có thể hiện bày thân tướng, tu trăm pháp môn v.v... là pháp môn được thực hành. Hai đế tâm v.v... là hành hóa riêng của từng địa. Hóa độ tất cả chúng sinh v.v... là sự hành hóa chung. Cho nên trong mỗi mỗi, vẫn nói lần lượt nhiều hơn. Đó chính là sự như Kinh Hoa Nghiêm nói tùy phần, Tùy lược. Tổ Kinh Khê nói: Đều là thuyết giảng của giáo đạo vậy.

Lại Sớ dẫn Kinh Thập địa, Anh Lạc và Kinh này, danh tướng nêu ra ở ba Kinh có giống, có khác phải là không có nguyên do. Sớ cũng chưa nói tường tận, tóm lược mà không thể dung hòa lãnh hội v.v...

Nói “Túc Tán Vương”: Xét theo sự thích ở sau nói: là Vua nhỏ số nhiều như hạt thóc vỡ vụn ra (hạt tằm), quả vị tương đương với Thiên ở phẩm trung hạ. Cũng như đây là các chư hầu, Thừa tướng v.v... Mà

văn Sớ cho rằng thứ bậc ở trên Người vương, e rằng văn nói đảo ngược vậy. Kinh Anh Lạc giải thích ở vị Thiết Luân vương là Thập tín phẩm thượng, kinh Thập địa nói tương đương Sớ địa. Căn cứ vào Sớ thì nghĩa là ý Biệt, Viên. Phân biệt chưa biết Kinh nào đúng v.v...

Nói: “Trong mười Thiện, mỗi Thiện có mười thành một trăm pháp môn” nghĩa là dựa theo Kinh Thập địa và Hoa Nghiêm mà nói vậy. Tức lấy một Thiện làm đứng đầu, ắt đủ mười Thiện kia, hỗ tương cùng luận là thành một trăm thiện. Lại dùng hai Thiện: Chỉ và Hành để suy, như điều thiện không sát sinh v.v... đủ mười hành Thiện dùng một hành thiện thì có đủ mười thiện đình chỉ điều ác. Cũng là nghĩa đó nên nói v.v... (đẳng)

Kinh nói “Cội nguồn của ba cõi”. Nghĩa là cội nguồn của gốc cõi nguồn vẫn còn mê Hoặc. Chữ bốn (gốc) hoặc viết thành chữ nguyên (cội nguồn) nghĩa là cội nguồn của tánh.

Cú (câu) có loại ba, năm, bảy, chín sai biệt. Như văn khác nói v.v... Có khi dùng ba mươi hai chữ làm một kệ thủ-lô. Phần này chưa kiểm chứng xuất xứ. Ý e rằng chỉ là nghĩa của sự tóm tắt điểm chính. Cũng nói là “Đô lộ”. Sớ nhận định về kệ tụng v.v...

Tam bảo gồm nhiều phẩm loại, nay chỉ tán thán hai loại. Nghĩa là Biệt tướng thì tướng theo nghĩa đó có thể biết, nói một thể là lý tánh có thể rõ. Cho rằng Đại, Tiểu thừa riêng biệt, tùy theo giáo mà khác nhau. Cho quy y là nghĩa an trụ giữ gìn thật tại. Tuy tóm lược tán thán hai loại, mà ý nghĩa thì đầy đủ.

Nói chung là bảo, tức là nghĩa đáng tôn quý. Nói Thế Tôn Đại sư là danh hiệu chung của Phật. Nói thể Kim cương là tên gọi chỉ pháp thân bất hoại; dùng tự chứng tức là tâm hành tịch diệt, mà có khả năng xoay chuyển bánh xe pháp lớn để làm lợi ích muôn loài.

Nói: “Âm thanh như nước lớn với tám biện tài” là chỉ pháp Phật thuyết ra. Tuy xuất âm thanh từ Phật mà khác loài cùng hiểu được, chính căn cơ hiện có nên nói vì chứng thuyết. Do chứng đắc đạo nên vạn ức tuy là nhiều mà pháp để thành đạo chỉ một.

Lại nói về Tăng bảo. Câu “Sáu cõi Trời và người khi ấy” tức là nói sáu cõi Trời Dục và người nơi bốn chúng. Ở cõi Trời tuy không có pháp xuất gia, nhưng có thể dùng tâm xuất gia, đó cũng là đạo xuất gia vậy. Cho nên, nói Tỳ kheo, Bồ-tát, ba Thừa sở dĩ vì sao thành tựu vậy. Câu “Năm Nhẫn” tiếp xuống là riêng tán thán về Bồ-tát. Đã là mười bốn Đại sĩ thấy đều có thể thấu rõ như thật, thì người quả trước sau thấy đều được thâm nhiếp. Vì thế, ba Hiền mười Thánh, không tách lìa

năm loại Nhẫn. Đây đối với mười bốn Đại sĩ tuy có, hợp lại khác nhau mà công đức chỉ là một.

Nói: “Chỉ Đức Phật, một con người có khả năng thấu rõ tận cùng cội nguồn” tức rất ráo hiển bày một cách thấu đáo chỉ có một mình Đức Phật, cũng được gọi là Tăng bảo cứu cánh nhất.

Văn tổng kết quy về một Thế. Đã nói Tam bảo tạng, mà lại nói vô lượng công đức được thâm nhiếp vào trong đó, là giải thích chung về nghĩa tạng (thâm chứa). Thế mới biết, Tam bảo tuy riêng biệt mà chung đều thâm tóm vô lượng công đức vào trong, cũng là Tam bảo, mỗi bảo đều có vô lượng công đức.

Từ câu “Một là vì thâm nhiếp các thập thiện Bồ-tát phát khởi tâm lớn” tiếp xuống là tụng về các quả vị của Phục Nhẫn v.v... công đức xa lìa các lỗi. Ở trong đây trước đưa ra giải thích của người xưa v.v... Nay bác bỏ, cho nên dùng Biệt, Viên gia giảm mà phán định. Nếu cho rằng Thập Tín của Biệt giáo, thì chắc chắn không thỏa đáng, nay phân định là người Thập tín của Viên giáo. Đó gọi là bằng với người cùng trừ bốn trụ (vô minh). Nếu hàng phục vô minh, thì thuộc Tam Tạng giáo, còn yếu. Lại dẫn Kinh Pháp Hoa chứng minh là sinh ở cõi Hữu Dư, mà nói “Dần từng bước” nghĩa là bước dần ở trong Viên giáo. Vì thế biết nói phát tâm lớn v.v... Không gì không phải thật sự là Viên giáo. “Thập tín khởi đầu được” nghĩa là mới được cách xa biển khổ. Lại tóm tắt phân định cùng so sánh với ba giáo trước (Tạng, Thông, Biệt) cùng lẩn đoạt mà luận, có thể biết v.v...

Nói: Túc Tán Vương của phẩm Thiện trung, hạ, nghĩa là Thập thiện là chính để nêu bày ra vị. Sáu vị Luân vương như Thiết luân v.v... là sáu chủng tánh: Tập đạo v.v... Hai thiên hạ v.v... là cảnh hoa vị của Luân vương v.v... Văn ngắt quãng, lẫn lộn, đối nhau có thể hiểu v.v...

“Thất bảo” là chỉ nữ cùng thất bảo. Đây ở tại Luân vương, nên không thể giải thích thất bảo khác.

Phần liệt kê trong số, chữ Tín phải làm chữ Trụ. Văn nhầm.

Câu “Chữ Phật ba đời” tiếp xuống là nói công đức của Nhẫn những việc khó điều phục. Chữ Phục là hàn phục, lấy điều phục làm nghĩa. Vì người đó có thể hàng phục vọng tâm ấy. “Bất đầu” (thủy) tức là chủ thể sinh ra quả vị Phật ba đời. Suy tư gốc mà nói, là chỗ bất đầu của Hành. Chỗ chính giữa tức bởi vì là gốc của Hành nên có thể thành tựu tâm khó phát khởi ấy. Nên là phần giữa của Hành. Có Hành thì có thể đến. Vì người đó kiên cố, không dao động thì chẳng gì mà không nhờ vào đó đến được vô sinh, tức là chỗ cuối cùng của Hành. Nay Số

cho Tín làm Trụ, người xem cứ cho rằng quả vị chính xác, không thể không có lý này chỉ vì văn nhấn mạnh tín tâm, như vậy, chưa hẳn không phải là Thập Tín. Nay vì vậy giữ lại cả hai.

Nói “Vô minh bàn bạc” nghĩa là chỉ sự rộng lớn mênh mông của Hoặc, khó thể hết, như sự rộng lớn của khối đá. Câu “Có khi không thể tự mình nhắc lên” là nói không phải trí lực của Bát-nhã, thì chẳng có gì thắng nổi. Câu “Nếu được” tiếp xuống là nói công đức của Tín. Văn bao hàm hai ý chẳng ngoài cho là Thập tín của Biệt giáo từng bước tiến dần vào đến Sơ địa. Nếu là Thập tín Viên giáo tức là đi vào Sơ trụ. Đây cũng như đại khái dựa theo nói. Nếu nói đầy đủ ba vị bất thoái là đối với quả vị như thường nói v.v...

Câu “Hỏi: Bản nghiệp” tiếp xuống, là phân biệt nhận định sáu tâm thoái chuyển trong mười Trụ. Trong phần này trước nêu dẫn Kinh, tiếp đối với kinh này làm vấn đáp. Trong đây lại có hai, trước nêu ra dụ bất định, có thể biết; tiếp dựa vào giáo phán định để đáp v.v.v. Tức là chung nơi bốn Giáo đều có nghĩa “Thoái chuyển”, như văn. Đều không nói lý do sáu tâm kia thoái chuyển. Nghĩa là nếu căn cứ văn hiện tại thì còn có mười Hồi hướng thoái chuyển, tức sáu tâm của mười Trụ không thể làm vấn nạn vậy. Cho chỗ phán định nay là thoái chuyển của A-tăng-kỳ đầu, thì chắc chắn cũng tự là một lối giải thích, ba thứ sau căn cứ vào vị sâu cạn, e rằng chỉ là đối với quả vị mà so sánh thì nói chung không ngoài nghĩa có thoái chuyển trong tương tự vị. Nhưng mà, các sư Nhật bản vấn nạn chỉ căn cứ vào sáu Trụ. Đã đoạn trừ Kiến Hoặc là sinh trong bốn thú, sao được còn có thoái ư? Thời gian trôi qua, đến khi ngài Tứ Minh trả lời, Kinh sách phần nhiều thất tán, không tìm thấy. Nên Sơ nay căn cứ lối giải thích riêng, vốn đủ quyết đoán để nói, chớ không lại lạc vào chốn vô cùng.

Nói “Phát tâm, tất cánh cả hai không khác”, nghĩa là Trụ ở sơ phát tâm cùng tức là vị cứu cánh. Tuy có khác nhau giữa phần hạn, tột cùng nhưng chứng đạo đồng. Vì vậy nói cả hai không khác. Tuy lý là đối tượng được chứng đắc chỉ một, nhưng mới đầu phát tâm chẳng dễ chút nào, nên nói sự phát tâm trước là khó.

Câu “Bồ-tát Thiện Giác” tiếp xuống: Là tụng về phần nói Sơ địa bên trên. Có thể dùng thân Tứ vương thiên tu trăm pháp môn, dùng tâm hai đế, bình đẳng mà hóa độ chúng sinh. Nên nói: Tục như huyễn có v.v... Cũng có thể bình đẳng chiếu Tục và Không, chiếu Chân cùng Huyễn, Chân, Tục không hai. Nên nói cùng chiếu bình đẳng.

Câu “Mới bước lên Nhất thừa” là gốc ở Sơ trụ của Viên giáo tức

khởi đầu của người chân thật. Nay nói bước vào địa, là ý nói bao gồm Biệt, Viên. Địa tức là Trụ vậy. Kinh pháp Hoa nói về Thừa như câu: “Cưỡi xe báu dạo chơi bốn phương” tức là bốn mươi vị. Lại Kinh Bát-nhã nói bắt đầu chữ A, vốn đủ công đức các địa, cho đến quá chữ Đ. Chữ Vô có thể nói (chữ A) đó là đạo Vô tướng. Trụ lấy hội nhập lý làm nghĩa, nói đó là khởi đầu. Địa lấy chủ thể sinh làm nghĩa, nói đó là điểm cuối. Tuy đầu và cuối có khác trên danh nghĩa, mà thật sự hội nhập lý, công đức đều chung, đều được tên gọi là Địa, nên nói v.v...

Câu “Vì thế, ở đệ nhất nghĩa mà không động” tức là dựa theo Kinh Tịnh Danh đối với thiện riêng pháp tướng mà nói. Nay ở đây tức Lý tốt cùng, Sự biến khắp, đầu và cuối nhất như. Đó là một nghĩa về bất động. Như Số lại dùng Chân đối với Tương tự so sánh nói, đó hoặc như cũng là một cách nói. Nay dùng Viên Đốn mà luận, đều có thể được.

Câu “Ly Đạt Khai Sĩ Đạo lợi vương” tức không ngoài căn cứ ở Vua nói rõ Vị, hình hiện tại là nêu bày trí tuệ sáng suốt (minh trí) hóa độ vô duyên v.v.. Số giải thích rõ ràng. Cũng có thể nói Vô duyên tức chẳng phải có, Vô tướng là chẳng phải không; chẳng phải có chẳng phải không chính là đế thứ ba - Trung đạo, cũng như trước nói là Tâm đế. Bởi vì, đều là tánh của tâm, tức là nghĩa trung. Lại câu “Vô vô đẳng” Số giải thích có thể biết. Cũng có thể nghĩa là: Không có tức Không có tướng duyên trước; Không không tức không có tướng không, là tức vô sinh. Tuy đây phân biệt, mà đó thật ra không khác, nên không có hai chiếu. Đó là như Kinh Viên Giác nói: Chiếu (năng) và chiếu (sở) cùng lúc đều vắng lặng, quý ở chỗ vong tình, lãnh hội lý thì chỉ một.

Nói “Minh tuệ Không chiếu” nghĩa là nói trí tuệ là chủ thể sáng suốt, soi chiếu rõ ràng, người và pháp không gì không đều là Không. Cũng tức Không mà soi chiếu nên nói “Không chiếu”.

Nói “Tâm nhãn không có hai”, nghĩa là phạm nói về tâm Nhãn ắt không có hai thứ chấp: chủ thể và đối tượng, cũng là đế thứ ba, đều bật đứt sự đối đãi nên gọi là Trung.

Nói “Xuất có nhập Không”: Một là như Số giải thích thẳng mà chưa khéo nay cũng có thể cho rằng vẫn Số còn sơ lược; đầy đủ phải nói: Xuất không nhập có là Biến. Xuất có nhập không là hóa. Chỉ xuất nhập ở giữa có không, nên là biến hóa sinh.

Từ câu “Thiện giác, Ly minh” tiếp xuống là tụng phần nói về Tín nhãn ở trên. Hạng người này có ba. Nghĩa là có thể dùng Không Nhãn đoạn trừ phiền não sắc v.v... Kiến, Tư hoặc của ba cõi, nhưng còn có tâm sắc cùng với vô tri của ngoài cõi. lại xoay trở lại dùng Giả Quán

mà quán. Pháp tánh đệ nhất nghĩa Không, dùng hai phương tiện được hội nhập, đó là ở đế thứ ba soi chiếu không còn sót. Thật trí duyên tịch tức là: dùng Thật trí tức Không trung đạo duyên với tịch, phương tiện tức Quyền trí soi chiếu giả, vì tịch nên thấu rõ đạt được vô sinh, vì soi chiếu nên Không và có đều thấu suốt. Cũng có thể như Số đã đối nhau giải thích v.v...

Nói “Không Không đế quán”, là dùng Không Quán soi chiếu Chân đế, cũng như nắp và hộp vừa khít nhau, nên Không có hai tướng. Mà dùng giả cho nên có biến hóa trong sáu nẻo, dùng Không, Trung đạo đi vào thì lý ba Đế đầy đủ mà Không gián đoạn.

Nói “Vô nhị vô chiếu đẳng” (Không hai không soi chiếu...): Tức đối tượng được soi chiếu, đối tượng được thấu suốt không có hai tướng, không soi chiếu mà chiếu, chiếu tức đạt được lý Không.

Nói: “Diễm thắng pháp hiện” là tụng phần nói ba địa ở trên, tức quy trở về định vô tướng. Nghĩa là định này có khả năng rửa sạch tâm mê Hoặc trong ba cõi. Tuy Không Tuệ vắng lặng y nhiên không có đối tượng duyên quán nhưng tức tịch mà soi chiếu, quán trở lại quả báo với vô lượng sai biệt. Đó là như kinh Tịnh Danh nói: Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả”. Nghiệp của thiện ác cũng chẳng mất là ý nghĩa vậy.

Trong phần tụng về Vô sinh Nhãn, nói người Viễn đạt (đạt đến chỗ xa) tức nói Địa thứ bảy hội nhập sâu vào lý Vô sinh. Đối ở sau so sánh với trước lại nói là Viễn đạt. Nói “chưa vượt qua thân báo” nghĩa là trong hai mươi một đời sau cùng, vị Bồ-tát địa thứ bảy còn có một đời, vì chưa hết nên còn ở phân đoạn sinh tử, hết một đời này tức đi vào biến dịch sinh tử. Vì vậy nói, Bồ-tát vào Pháp lưu địa (dòng pháp).

Hai mươi một đời là căn cứ nơi bảy địa mỗi địa có ba phẩm, thành hai mươi một đời, tức là dùng Trung đạo chánh quán bình đẳng đi vào dòng pháp, không còn ngăn ngại nữa. Nếu vì chứng đạo thì gốc ở Sơ địa, nay bắt đầu đi vào địa thứ tám, tức là ý chứng đạo của Biệt giáo nối tiếp Thông giáo.

Nói “Bắt đầu tiến vào vô duyên đẳng”, nghĩa là người đó đã vào dòng Thánh pháp, mới đạt được địa thứ tám, và định Vô duyên nhãn. Nếu dựa theo Biệt giáo mà luận, cũng là tâm sau Kim cương; tức trong người nói quả, không nhận lấy quả báo sinh tử trong ba cõi.

Nói: “Ái tập trong ba cõi v.v...” là bảy địa tuy đã đoạn hết Hoặc trong ba cõi, nhưng cũng do trí tuệ bản thân chưa đầy đủ, tham đắm trí tuệ Phật. Đó gọi là ái tập thuận theo đạo định. Mặc dù một mình đã suy xét thấu rõ rồi, nhưng chưa có thể xả bỏ, đến địa thứ tám đắc vô sinh

thì hết tham đắm.

Câu “Quán viên mãn nơi ba đời mà nói phản chiếu v.v...” nghĩa là địa thứ tám, Bồ-tát soi chiếu rõ sự việc của ba đời, như mặt trời chiếu ngược lại mọi việc đã qua, như niềm vui chân thật với việc hiện tại, như suối nguồn vô tận các việc vị lại. Suy nghĩ có thể hiểu.

Cũng như, Luận Khởi Tín nói, ý giống như đây v.v... Do quán như thế, chẳng thể không có lý vi diệu hiện hữu, chính là được dựa vào Sự, thấu rõ Lý, vẫn nói rõ ràng như thế.

Câu “Tập theo văn đây” là nghĩa “Há không đạt đến sự tư duy ư”

Câu “Quán đỉnh” tiếp xuống là tụng phần nói về Tịch Diệt nhấn ở tên. Nói: “Ở trên mười hai Pháp sư” là Tín Nhẫn ở trước tức ba mươi tâm, là ba, và trước mười Địa có chín cộng thành mười hai. Đỉnh là ở trên cao nhất, nên nói “Ở trên mười hai pháp sư”. Tịch Diệt nhấn cũng có ba phẩm. Phẩm hạ trung tức Quán đỉnh của mười địa, so với Diệu giác, chỉ vừa vắn một khoảng cách. Vì thế nói: Một khi chuyển tức đi vào phẩm thượng Diệu giác.

Nói “Thường trạm nhiên” nghĩa là quả vị tốt cùng nên pháp thân hiển bày rất ráo. Đây chính là Kinh Hoa Nghiêm nói: Pháp thân vi diệu thanh tịnh, trạm nhiên ứng hiện khắp tất cả. Đối với nay có sự khác biệt của phần hạn và tốt cùng.

Câu “Ba phẩm số còn lại”: Sở giải thích tương tận rồi. Cũng có thể là lặp lại, tóm kết các vị trước để hiển bày sự viên mãn tốt cùng. Nghĩa là cái nay phải đoạn trừ, tức là tập khí còn lại của chánh sử phiền não nói trước, chính là duyên phần ngọn của vô minh, nếu không là trí tuệ tốt cùng, thì chẳng có thể đoạn. Nhưng đều đã ra khỏi phần gốc của vô minh. Vì vậy nói tương tập khí có khác với mới huân tập.

Lại nói: Nên cảm nhận chỉ là thấu rõ tận cùng hai đế, suối nguồn Trung đạo, thì mới được cứu cứu cánh tận cùng.

Câu “Trí viên mãn vô tướng” tiếp xuống là sáu câu. Mỗi một câu đều có chữ “Do” (nhờ bởi) để hiển bày đức. Chữ “Ba” còn lại là tùy thuận theo đức nhận tên gọi. Đều như Sở giải thích có thể biết.

Nói “Diệu giác Bồ-tát” là giống như Phật, vẫn còn danh xưng trong mười địa. Đó gọi là Người tận cùng biển Quả, Quả thấu đến nguồn Người, là nghĩa đó vậy.

Lại nói: “Năm Nhẫn cùng nêu ra”, nghĩa là văn trường hàng sơ lược nói năm nhẫn cùng với bốn mươi hai vị kết hợp nêu ra mà thôi. Nay tụng thì văn năm nhẫn lại rộng, còn quả vị chỉ biểu đạt bên trong

nó.

Nói: “Thập địa Diệu Giác ẩn, hiển chẳng đồng” nghĩa là Diệu giác nay cũng gọi là Bồ-tát, nên ẩn, hiển chẳng đồng. Nếu nói là Thập địa, tức Người hiển bày, Quả ẩn mất, nói Diệu giác thì Quả hiển bày, Người ẩn mất. Vì vậy nói: Đại Thánh tùy căn cơ, chuyển văn làm rõ nghĩa, đầu tiên là không có chấp nhất định.

Câu “Ba Hiền mười Thánh”: Tiếp xuống là tán thán pháp thân của Phật. Dùng cõi là đối tượng nương ở, để hiển bày thân là chủ thể nương theo, cũng là nêu lên Người so sánh Quả. Tức là tu đến tột cùng của pháp thân, thì an trú nơi cõi Tịch quang phẩm thượng, đây là cõi thuộc về Lý. Nếu nói theo Sự, cũng gọi là cõi của báo thân vô thượng, thì thân Phật hiện hữu cứu cánh. Nếu nói từ sự thuận theo Lý thì được danh xưng hai cõi, cho đến nếu căn cứ vào Biệt, Viên giáo có chứng đạo, có giáo đạo, mà luận về cõi, thì xét theo giáo đạo tức mười địa của Biệt giáo sinh ở Báo độ (cõi Thật báo), xét theo chứng đạo tức sơ Trụ của Viên giáo sinh ở thế giới Hoa Tạng. Vì thế nói v.v... (đẳng)

Câu “Được không chướng ngại” tiếp xuống: Nghi là thiếu một chữ “Thân”. Từ đây trở xuống văn hơi lẫn lộn, nên phải là văn nói quả vị Diệu giác tột cùng chỉ cõi Tịch Quang, tiếp theo là cõi báo của tất cả chúng sinh tạm ở, chung làm một đoạn; trái lại đem văn ba lần vấn đáp ở trước dời vào phần này, thì văn ít thuận.

Nói: “Cõi báo của tất cả chúng sinh tạm ở”: Xưa nói v.v... nghi văn thiếu chữ “Cố” Nay sơ không dùng. Chính là nói trong đó Phật dùng sự chứng đắc tột cùng bước lên Kim Cương, nguồn gốc là vô vi, nhưng cuối cùng vì chúng sinh, nên việc hóa độ có dài, ngắn. Trong phần nhận định, đáp cho rằng là người viên mãn. Nghĩa là cho Thánh Hiền đều được sinh. Hiện tại viên mãn mà không nói cõi Tịch Quang, là vì quả kém. Nếu dựa vào ba phẩm để luận thì quả vị Đẳng giác trở lui, cũng được trung, hạ, phẩm sinh, mà vẫn còn tên gọi Hiền Thánh, đó chính là dựa vào Biệt giáo gọi thành Viên giáo. Tuy nhiên ba cõi dưới cũng có Tịnh độ, như Sơ giải Quán Kinh nói v.v...

“Mà đây chỉ nhấn mạnh Viên mãn tột cùng” nghĩa là Kinh kia căn cứ vào tu tâm quán diệu, nên chung được nói là Tịnh độ, không giống Kinh nay là đối người quả nói tột cùng là Tịnh Quang.

Trong phần tán thán hóa tha căn cứ vào đối hình và tiếng, Pháp, thí dụ kết hợp để giải thích, có thể biết. “Ngoại đạo hoàn toàn vô nghĩa”, tức học thuyết của họ đều là giả dối, tà kiến, nên không có nghĩa Như thật. Đó gọi là nghĩa hữu danh vô thực của Thế đế. Ngoài ra

học thuyết thiên lệch, Tiểu thừa cũng hiểu như trên. Câu “Tâm trí tức quán” tiếp xuống, e vẫn có lầm sót. Phải nói; Tâm trí tức quán, tịch diệt vô duyên. Quán tịch duyên Không gọi là vô duyên, chiếu, mới thuận với hai câu dưới. Sáu động như giải thích ở trên v.v... Chữ sinh củA-hàm sinh vốn chỉ ở mê. Mà được quả vi diệu: Vì họ thấy điềm lành, được nghe pháp, nên có lợi ích như thế.

